

THIEN PHAT DUYEN KINH

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 1/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 426 佛說千佛因緣經

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 426 Phật thuyết thiên Phật nhân duyên Kinh.

No. 426

佛說千佛因緣經

Phật thuyết thiên Phật nhân duyên Kinh.

Phật thuyết Kinh Nhân duyên nghìn Phật.

後秦龜茲國三藏鳩摩羅什譯

Hậu Tần Quy Tư quốc Tam tạng Cưu-ma La-thập dịch

如是我聞：一時佛在王舍城耆闍崛山中，與大比丘眾五千人俱。

Như thị ngã văn : Nhất thời Phật tại Vương-Xá thành Kỳ-xà-Quật sơn trung, dữ Đại Tỳ-kheo chúng ngũ thiên nhân câu.

Tôi nghe như thế : Thời đó Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thành Vương-xá, cùng với các Đại Tỳ kheo 5 nghìn người tham dự.

其名曰：尊者阿若憍陳如、尊者優樓頻伽迦葉、尊者伽耶迦葉。

Kỳ danh viết : Tôn-Giả A-nhã Kiền-trần-như, Tôn-Giả Ưu-lâu-tần-lễ Ca-diệp, Tôn-Giả già da Ca-diệp.

Tên họ là : Tôn-Giả A-nhã Kiền-trần-như, Tôn-Giả Ưu-lâu-tần-lễ Ca-diệp, Tôn-Giả già da Ca-diệp.

尊者那提迦葉、尊者摩訶迦葉、尊者舍利弗。

Tôn giả Na-đề Ca-diệp, Tôn-Giả Ma-ha Ca-diệp, Tôn-Giả Xá-lợi-phát.

Tôn giả Na-đề Ca-diệp, Tôn-Giả Ma-ha Ca-diệp, Tôn-Giả Xá-lợi-phát.

尊者大目犍連、尊者迦梅延、尊者阿那律。

Tôn-Giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn-Giả Ca-chiên-diên, Tôn-Giả A-na-luật.

Tôn-Giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn-Giả Ca-chiên-diên, Tôn-Giả A-na-luật.

尊者阿難等，皆大阿羅漢而眾所知識。

Tôn-Giả A-nan đấng, giai Đại A-la-hán nhi chúng sở Tri-thức.

Tôn-Giả A-nan, đều là Đại A-la-hán mà là các nhà Trí thức.

如調象王，所作已辦，三明、六通，具八解脫。

Như Điều-tượng Vương, sở tác dĩ biện, Tam-minh, Lục-thông, cụ bát Giải-thoát.

Như Vương điều phục được voi, có làm việc đã xong, Ba minh, Sáu Thần thông, đủ Tám Giải-thoát.

菩薩摩訶薩八萬四千人，梵德菩薩、淨行菩薩。

Bồ-tát Ma-ha-tát bát vạn tứ thiên nhân, Phạm-đức Bồ-tát, Tịnh hạnh Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát bát 8 vạn 4 nghìn người, Phạm-đức Bồ-tát, Tịnh hạnh Bồ-tát.

無邊行菩薩而為上首，跋陀波羅，應與無邊俱為上首也。

Vô-biên-hạnh Bồ-tát nhi vi thượng thủ, Bạt-đà Ba-la, ung dữ Vô-biên câu vi thượng thủ dã.

Vô-biên-hạnh Bồ-tát là người đứng đầu, Bạt-đà Ba-la, cùng với Vô-biên-hạnh Bồ-tát đều cũng là người đứng đầu.

他方月音菩薩、月藏菩薩、妙音菩薩而為上首。

Tha phương Nguyệt-âm Bồ-tát, Nguyệt-tạng Bồ-tát, Diệu-âm Bồ-tát nhi vi thượng thủ.

Phương khác Nguyệt-âm Bồ-tát, Nguyệt-tạng Bồ-tát, Diệu-âm Bồ-tát là người đứng đầu.

如是等諸大菩薩，皆久修梵行，安隱清淨，住首楞嚴三昧。

Như thị đẳng chư Đại Bồ-tát, giai cửu tu Phạm-hạnh, an ẩn thanh tịnh, trụ Thủ-lăng-nghiêm

Tam-muội.

Các Đại Bồ-tát như thế, đều lâu dài tu Phạm-hạnh, yên ổn an cư thanh tịnh, ở lại trong Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội.

皆悉具足八萬四千諸波羅蜜。

Giai tất cụ túc bát vạn tứ thiên chư Ba-la-mật.

Đều biết đầy đủ 8 vạn 4 nghìn các Ba-la-mật.

於娑婆世界及十方國，示現作佛，轉妙法輪，現般涅槃。

Ư Sa-bà thế giới cập thập phương quốc, thị hiện tác Phật, chuyển diệu Pháp luân, hiện ban Niết-bàn.

Ở Sa-bà thế giới cùng với 10 phương đất nước, hiện ra làm Phật, nói Pháp vi diệu, hiện ra nhập vào Niết-bàn.

於耆闍崛山昇仙講堂，皆師子吼。

Ư Kỳ-xà-quạt sơn thăng tiên giảng đường, giai Sư tử hồng.

Ở núi Kỳ-xà-quạt nhẹ nhàng tiến lên giảng đường, đều nói Pháp Bình đẳng.

是諸菩薩摩訶薩等，各各自說過去因緣。

Thị chư Bồ-tát Ma-ha-tát đẳng, các các tự thuyết Quá khứ nhân duyên.

Các Bồ-tát Ma-ha-tát đó, họ tự nói ra Nhân duyên thời Quá khứ.

如是音聲遍滿三千大千世界。天龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅。

Như thị âm thanh biến mãn Tam-thiên Đại-thiên thế giới. Thiên-Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la.

Âm thanh như thế lan biến ra đầy khắp Ba-nghìn Đại-thiên thế giới. Trời Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la.

迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，一切大眾皆悉集會。

Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết Đại chúng giai tất tập hội.

Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, người không phải người, tất cả Đại chúng tất cả đều tới tụ hội.

爾時世尊從石室出，問阿難言：今諸聲聞，諸菩薩等，皆何講論？

Nhĩ thời Thế Tôn tòng thạch thất xuất, vấn A-nan ngôn : Kim chư Thanh-văn chư Bồ-tát đẳng, giai hà giảng luận.

Khi đó Thế Tôn từ trong phòng bằng đá đi ra, hỏi A-nan rằng : Hôm nay các Thanh-văn, các Bồ-tát đều luận giảng cái gì ?

阿難白佛言：世尊！諸菩薩眾，各各自說宿世因緣。

A-nan bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Chư Bồ-tát chúng các các tự thuyết túc thế Nhân duyên.

A-nan bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Các chúng Bồ-tát, họ tự nói ra Nhân duyên đời trước.

爾時，世尊安庠徐步如大龍象，披僧伽梨入大眾中。

Nhĩ thời Thế Tôn an tường từ bộ như đại Long tượng, phi Tăng-già-lê nhập Đại chúng trung.

Khi đó Thế Tôn yên ổn đi bộ từ từ như Tượng Rồng lớn, khoác áo Già-sa nhập vào trong Đại chúng.

告諸菩薩言：汝等今者，各說何義？

Cáo chư Bồ-tát ngôn : Nhữ đẳng kim giả, các thuyết hà nghĩa ?

Bảo các Bồ-tát rằng : Các Ngài hôm nay họ nói nghĩa gì ?

其大音聲遍滿世界。跋陀波羅菩薩即從坐起。

Kỳ Đại âm thanh biến mãn thế giới. Bạt-đà Ba-la Bồ-tát túc tòng tọa khởi.

Âm thanh lớn của họ lan biến đầy khắp thế giới. Bạt-đà Ba-la Bồ-tát túc thời từ chỗ ngồi đứng lên.

自為世尊敷師子座，頭面禮足，請佛就坐，白佛言：

Tự vi Thế Tôn phu Sư Tử tọa, đầu diện lễ túc, thỉnh Phật tựu tọa bạch Phật ngôn :

Tự mình vì Thế Tôn mở ra tòa thuyết Pháp, phục đĩnh lễ Phật xong, mời Phật ngồi xuống bạch Phật nói rằng :

世尊！我於今日欲少諮問，唯願世尊為我解說。

Thế Tôn ! Ngã ư kim nhật dục thiểu tư vấn, duy nguyện Thế Tôn vi ngã giải thuyết.

Thế Tôn ! Con hôm nay muốn hỏi thăm chút xíu, mong muốn Thế Tôn vì con nói giải thích.

說是語時八萬四千諸菩薩等，各脫瓔珞散佛供養。

Thuyết thị ngữ thời bát vạn tứ thiên chư Bồ-tát đặng, các thoát anh lạc tán Phật cúng dường.
Khi nói lời đó 8 vạn 4 nghìn các Bồ-tát, họ tháo chuỗi ngọc anh lạc tung lên Phật cúng dường.
所散瓔珞住佛頂上，如須彌山巖顯可觀，有千化佛坐山窟中。

Sở tán anh lạc trụ Phật đỉnh thượng, như-Tu-Di-Son nghiêm hiển khả quan, hữu thiên hóa Phật tọa sơn quật trung.

Chuỗi ngọc anh lạc được tung lên ở trên đỉnh đầu của Phật, có thể nhìn thấy hiện ra như núi Tu Di trang nghiêm, có 1 nghìn Phật hóa ra ngồi ở trong động của núi.

時諸菩薩頂禮佛足，異口同音白佛言：

Thời chư Bồ-tát đỉnh lễ Phật túc, dị khẩu đồng âm bạch Phật ngôn：

Thời các Bồ-tát phục đỉnh lễ Phật xong, khác người cùng âm bạch Phật nói rằng：

世尊！世尊與賢劫千佛，過去世時種何功德？修何道行？

Thế Tôn！Thế Tôn dữ Hiền Kiếp thiên Phật, Quá khứ thế thời chúng hà công đức？Tu hà Đạo hạnh？

Thế Tôn！Thế Tôn cùng với nghìn Phật Kiếp Hiền, thời trước đây trồng công Đức gì？Tu Đạo hạnh gì？

常生一處、同共一家，於一劫中，次第當得阿耨多羅三藐三菩提，

Thường sinh nhất xứ, đồng cộng nhất gia, ư nhất Kiếp trung, thứ đệ đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Thường sinh một nơi, cùng nhau một gia đình, ở trong một Kiếp, lần lượt đang được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

化度濁惡諸眾生等，令其堅發三種清淨菩提之心。

Hóa độ trọc ác chư chúng sinh đặng, linh kỳ kiên phát Tam-chủng thanh tịnh Bồ-đề chi tâm.

Giáo hóa độ thoát các chúng sinh đời Trọc ác, giúp họ kiên cố phát 3 loại tâm Bồ-đề thanh tịnh.

願為我等，及未來世諸眾生故。

Nguyện vì ngã đặng cập Vị lai thế chư chúng sinh cố.

Nguyện cố vì chúng con cùng các chúng sinh đời Tương lai.

當廣分別賢劫千菩薩過去世時，諸波羅蜜本事果報。

Đương quảng phân biệt Hiền Kiếp thiên Bồ-tát Quá khứ thế thời, chư Ba-la-mật Bản-sự quả báo.

Cần phân biệt rộng khắp thời Quá khứ của nghìn Bồ-tát Kiếp Hiền, các Ba-la-mật Bản sự quả báo.

爾時世尊告諸菩薩言：諦聽！諦聽！善思念之！吾當為汝分別廣說。

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Bồ-tát ngôn：Đề thính！Đề thính thiện tư niệm chi！Ngô đương vì Nhữ phân biệt quảng thuyết.

Khi đó Thế Tôn bảo các Bồ-tát rằng：Lắng nghe！Nghe tuệ, tư duy tuệ, tu tuệ. Ta đang vì Ngài phân biệt nói rộng khắp.

跋陀波羅！汝今當知！乃往過去無量、無數百千萬億阿僧祇劫。

Bạt-đà Ba-la！Nhữ kim đương tri, nãi vãng Quá khứ vô lượng vô số bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ Kiếp.

Bạt-đà Ba-la！Ngài nay cần biết！Trở lại Quá khứ xa xưa vô lượng vô số trăm nghìn vạn triệu A-tăng-kỳ Kiếp.

復過是數，爾時此娑婆世界名大莊嚴，劫名大寶。

Phục quá thị số, nhĩ thời thử Sa-bà thế giới danh Đại Trang Nghiêm, Kiếp danh Đại Bảo.

Lại vượt hơn số đó, thời đó Sa-bà thế giới này, tên là Đại Trang Nghiêm, tên Kiếp là Đại Bảo.

有佛世尊，名寶燈焰王如來，應供，正遍知，明行足，善逝。

Hữu Phật Thế tôn, danh Bảo Đăng Diệm Vương Như Lai, Ứng-Cúng, Chính-biến-Tri, Minh-hạnh-Túc, Thiện-Thệ.

Có Phật Thế Tôn, tên hiệu Bảo Đăng Diệm Vương Như Lai, Ứng-Cúng, Chính-biến-Tri, Minh-hạnh-Túc, Thiện-Thệ.

世間解，無上士，調御丈夫，天人師，佛世尊，出現於世。

Thế-gian-giải, Vô-thượng-Sĩ, Điều-ngự trượng-phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất

hiện ư thế.

Thế-gian-giải, Vô-thượng-Sĩ, Điều-ngự trượng-phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

彼佛世尊出現世時，亦以三乘教化眾生。佛壽半劫，正法化世住於一劫。

Bì Phật Thế Tôn xuất hiện thế thời, diệc dĩ Tam-thừa giáo hóa chúng sinh. Phật thọ bán Kiếp, Chính-pháp hóa thế trụ ư nhất Kiếp.

Phật Thế Tôn đó xuất hiện ở đời, cũng dùng Pháp Ba Bậc giáo hóa chúng sinh. Phật thọ nửa Kiếp, Chính-pháp giáo hóa ở đời trong một Kiếp.

像法化世住於二劫。於像法中有一大王，名曰光德。

Tượng-pháp hóa thế trụ ư nhị Kiếp, ư Tượng-pháp trung hữu nhất Đại-vương, danh viết Quang-đức.

Tượng-pháp giáo hóa ở đời trong 2 Kiếp, ở trong Tượng-pháp có một Đại Vương, tên là Quang Đức.

十善化民，國土安樂，如轉輪王。

Thập thiện hóa dân, quốc độ an lạc, như Chuyển luân Vương.

Mười Nghiệp thiện giáo hóa nhân dân, đất nước yên vui, như Chuyển luân Vương.

爾時大王教諸人民誦毘陀論。時學堂中有千童子年各十五。

Nhĩ thời Đại-vương giáo chư nhân dân tụng Tì-đà luận. Thời học đường trung hữu thiên Đồng-tử, niên các thập ngũ.

Khi đó Đại Vương dạy nhân dân tụng Tì-đà luận. Thời trong học đường có 1 nghìn thiếu niên tuổi họ 15.

聰敏多知，聞諸比丘讚佛、法、僧。

Thông minh đa tri, văn chư Tì-kheo tán Phật, Pháp, Tăng.

Thông minh nhanh trí biết nhiều, nghe Tì-kheo ca ngợi Phật, Pháp, Tăng.

有一童子名蓮華德，白善稱比丘言：

Hữu nhất Đồng-tử danh Liên-hoa-đức, bạch Thiện-xung Tì-kheo ngôn :

Có một thiếu niên tên là Liên-hoa-đức, bạch Thiện-xung Tì-kheo nói rằng :

云何名佛？云何名法？云何名僧？比丘偈答言：

Vân hà danh Phật ? Vân hà danh Pháp ? Vân hà danh Tăng ? Tỳ-kheo kệ đáp ngôn :

Thế nào tên là Phật ? Thế nào tên là Pháp ? Thế nào tên là Tăng ? Tì kheo trả lời bằng bài kệ :

波羅蜜滿足 淨性覺智慧

Ba-la-mật mãn túc. Tịnh tính giác Trí tuệ.

Đầy đủ Ba-la-mật. Tịnh tịnh Trí tuệ Giác.

勝心得成就 故號名為佛

Thắng tâm đắc thành tựu. Cố hiệu danh vi Phật.

Thành Tâm Bình đẳng Giác. Tên hiệu gọi là Phật.

無染性清淨 永離於世間

Vô nhiễm Tính thanh tịnh. Vĩnh ly ư thế gian.

Tính thanh tịnh không nhiễm. Vĩnh rời bỏ thế gian.

不觀世五陰 常住名為法

Bất quan thế Ngũ-âm. Thường trụ danh vi Pháp.

Không thấy đời 5 Uẩn. Thường trụ tên là Pháp.

身心常無為 永離四種食

Thân tâm thường Vô-vi. Vĩnh ly Tứ chủng thực.

Thân tâm thường rỗng không. Vĩnh rời 4 loại Ăn.

為世良福田 故稱比丘僧

Vị thế lương Phúc điền. Cố xưng Tỳ-kheo Tăng.

Vì đời Phúc Đức thiện. Gọi tên Tì kheo Tăng.

時千童子聞三寶名，各持香華隨從比丘，行詣僧房，入塔禮拜。

Thời thiên Đồng-tử văn Tam-bảo danh, các trì hương hoa tùy tùng Tỳ-kheo, hành nghệ Tăng phòng, nhập Tháp lễ bái.

Thời đó 1 nghìn Thiếu niên nghe được tên Phật Pháp Tăng, họ cầm hương hoa đi theo Tì

kheo, đi tới phòng của Tăng, nhập vào trong Tháp lễ bái.

見佛色像，彼像身量高六十二那由他由旬。

Kiến Phật sắc tượng, bị tượng thân lượng cao Lục thập nhị Na-do-tha Do-tuần.

Nhìn thấy Tượng thân sắc của Phật, chiều cao thân Tượng đó khoảng 1.240 Na-do-tha Km.

八萬四千諸相好門皆悉具足。時千童子見佛像已，白比丘言：

Bát vạn tứ thiên chư Tướng-hảo môn giai tất cụ túc. Thời thiên Đồng-tử kiến Phật tượng dĩ, bạch Tỳ-kheo ngôn :

Tám vạn 4 nghìn môn các Tướng Hảo đều đầy đủ tất cả. Khi đó 1 nghìn Thiếu niên nhìn thấy Tượng Phật xong, bạch Tỳ kheo nói rằng :

如此勝人大無上士，過去世時修何功德？乃得如是無上勝相。

Như thử thắng nhân Đại Vô-thượng-Sĩ, Quá khứ thế thời tu hà công Đức ? Nãi đắc như thị Vô-thượng thắng tướng.

Người được như thế này là Đại-sĩ Bình đẳng, thời Quá khứ tu công Đức gì ? Mới được hình tướng Bình đẳng đặc biệt như thế.

比丘答言：善男子！汝今諦聽！佛世尊者過去修行八萬四千諸波羅蜜。

Tỳ-kheo đáp ngôn : Thiện nam tử ! Nhữ kim đế thính ! Phật Thế Tôn giả Quá khứ tu hành bát vạn tứ thiên chư Ba-la-mật.

Tỳ kheo trả lời rằng : Người Nam thiện ! Người nay lắng nghe ! Phật Thế Tôn thời Quá khứ tu hành 8 vạn 4 nghìn các Ba-la-mật.

亦復修習三十七品助菩提法，故得如此端嚴之身。

Diệc phục tu tập Tam thập thất phẩm trợ Bồ-đề Pháp, cố đắc như thử đoan nghiêm chi thân. **Cũng lại tu tập 37 phẩm Pháp trợ Bồ-đề, do đó được thân sắc đoan chính trang nghiêm như thế.**

如來身者，不但有此八萬四千諸相好門。

Như Lai thân giả, bất đãn hữu thử bát vạn tứ thiên chư Tướng-hảo môn.

Thân của Như Lai không chỉ có 8 vạn 4 nghìn các môn Tướng Hảo.

亦有十力、四無所畏、十八不共、大悲、三念處、三明、六通、八解脫等。

Diệc hữu Thập-lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng, Đại Bi, Tam Niệm xứ, Tam-minh, Lục-thông, Bát Giải-thoát đẳng.

Cũng có 10 Lực, 4 Không sợ hãi, 18 Không cùng Pháp, Đại Bi, 3 Niệm xứ, 3 Minh, 6 Thần thông, 8 Giải thoát.

時千童子聞於比丘讚歎佛已，五體投地。

Thời thiên Đồng-tử văn ư Tỳ-kheo tán thán Phật dĩ, ngũ thể đầu địa.

Khi đó 1 nghìn Thiếu niên nghe được Tỳ kheo ca ngợi Phật xong, phục đất đảnh lễ.

即於像前發弘誓願：我等今者，各各應發阿耨多羅三藐三菩提心，

Tức ư Tượng tiền phát hồng thệ nguyện : Ngã đẵng kim giả, các các ưng phát A-nậu đa-la tam-miệu-tam Bồ-Đề tâm.

Tức thời ở trước Tượng Phật phát thệ nguyện lớn : Chúng con hôm nay từng người ưng phát tâm A-nậu đa-la tam-miệu-tam Bồ-Đề.

過算數劫必得成佛，如今世尊，等無有異。

Quá toán số Kiếp tất đắc thành Phật, như kim Thế Tôn đẵng vô hữu dị.

Vượt qua tính toán số Kiếp nhất định thành Phật, như Thế Tôn ngày nay, bằng như nhau không có khác.

第三童子名蓮華藏，復發誓願：

Đệ tam Đồng-tử danh Liên-hoa-tạng, phục phát thệ nguyện :

Thiếu niên thứ 3 tên là Liên-hoa-tạng, lại phục lễ phát thệ nguyện :

我等今者，因比丘故聞三寶名，復得見於如來色像。

Ngã đẵng kim giả, nhân Tỳ-kheo cố văn Tam-bảo danh, phục đắc kiến ư Như Lai sắc Tượng.

Chúng con ngày nay, nhân do Tỳ kheo nghe được tên Phật Pháp Tăng, lại được nhìn thấy Tượng thân sắc của Như Lai.

於未來世成佛無疑，未成佛間，恒與比丘共生一處。

Ư Vị lai thế thành Phật vô nghi, vị thành Phật gian, hằng dữ Tỳ-kheo cộng sinh nhất xứ.

Ở đời Tương lai thành Phật không có nghi hoặc, thời gian chưa thành Phật, thường cùng với

Tì kheo cùng sinh một nơi.

跋陀波羅！汝今當知！時千童子聞三寶名。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Thời thiên Đồng-tử văn Tam-bảo danh.

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Khi đó 1 nghìn Thiếu niên nghe được tên Phật Pháp Tăng.

身心歡喜，隨壽長短後皆命終。

Thân tâm hoan hỷ, tùy thọ trường đoản hậu giai mệnh chung.

Thân tâm vui mừng, thuận theo thọ mệnh dài ngắn sau đều bỏ mệnh.

臨命終時，以聞三寶，善根因緣力故。

Lâm mệnh chung thời, dĩ văn Tam-bảo thiện Căn nhân duyên lực cố.

Khi sắp bỏ mệnh, do nghe được tên Phật Pháp Tăng, có được Lực nhân duyên Căn thiện.

除却五十一劫生死之業。命終之後，得生梵世，諸天生法。

Trừ khước ngũ thập nhất Kiếp sinh tử chi nghiệp. Mệnh chung chi hậu đắc sinh Phạm thế, chư Thiên sinh Pháp.

Trừ diệt được Nghiệp của 51 Kiếp sinh chết. Sau khi bỏ mệnh được sinh lên cõi Phạm, Pháp sinh ở cõi Trời.

生梵宮已，即得三念，自憶往世聞三寶名。

Sinh Phạm cung dĩ, tức đắc Tam-niệm, tự ức vãng thế văn Tam-bảo danh.

Đã sinh ở cung điện cõi Phạm, tức thì được 3 suy nhớ Phật Pháp Tăng, tự nhớ lại vãng tới thế gian nghe tên Phật Pháp Tăng.

以是因緣得生天上。時千梵王各乘宮殿。

Dĩ thị nhân duyên đắc sinh Thiên thượng, thời thiên Phạm-vương các thừa cung điện.

Do nhân duyên đó được sinh lên Trời, khi đó 1 nghìn Phạm-vương ngồi trên các cung điện.

與諸梵俱持七寶華，至故塔前供養佛像。

Dữ chư Phạm câu trì thất bảo hoa, chí cố Tháp tiền cúng dường Phật-tượng.

Cùng với chúng Phạm đều cầm hoa bảy báu, tới trước nơi Tháp cũ cúng dường Tượng Phật.

時千梵王異口同音，而說偈言：

Thời thiên Phạm-vương dị khẩu đồng âm nhi thuyết kệ ngôn：

Khi đó 1 nghìn Phạm-vương khác người cùng âm mà nói bài kệ rằng：

慧日大名稱 久住善寂地

Tuệ Nhật đại danh xưng. Cửu trụ thiện tịch địa.

Nói tên lớn Tuệ Nhật. Ở Bạc vắng lặng lâu.

聞名除諸惡 自然生梵世

Văn danh trừ chư ác. Tự nhiên sinh Phạm thế.

Nghe tên trừ các ác. Tự nhiên sinh cõi Phạm.

我今頭面禮 歸依大解脫

Ngã kim đầu diện lễ. Quy y Đại Giải-thoát.

Con nay phục đảnh lễ. Đi theo Đại Giải-thoát.

說此偈已，各還梵世。跋陀波羅！汝今當知！

Thuyết thử kệ dĩ các hoàn Phạm-thế. Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri !

Nói xong bài kệ này, họ quay trở về cõi Phạm. Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết !

時彼國王十善化人者，久已成佛，毘婆尸如來是。

Thời bị Quốc Vương Thập-thiện hóa nhân giả, cửu dĩ thành Phật, Tì Bà Thi Như Lai thị.

Quốc Vương thời đó, 10 Thiện giáo hóa người, đã thành Phật từ lâu, chính là Tì Bà Thi Như Lai.

善稱比丘，尸棄如來是；時千童子豈異人乎？

Thiện-xưng Tỳ-kheo, Thi-Khí Như Lai thị. Thời thiên Đồng-tử khởi dị nhân hô ?

Thiện-xưng Tỳ-kheo, chính là Thi-Khí Như Lai. Nghìn Thiếu niên thời đó là những người nào ?

今拘留孫佛，乃至最後樓至如來是。

Kim Câu Lưu Tôn Phật, nãi chí tối hậu Lâu Chí Như Lai thị.

Nay là Câu Lưu Tôn Phật, thậm chí cuối cùng chính là Lâu Chí Như Lai.

跋陀波羅！汝今當知！我與賢劫千菩薩。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Ngã dũ Hiên Kiếp thiên Bô-tát.

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Ta với 1 nghìn Bô-tát Kiếp Hiên.

從彼佛所聞三寶名，始發阿耨多羅三藐三菩提心其事如是。

Tông bi Phật sở văn Tam-bảo danh, thủy phát A-nậu đa-la tam-miệu-tam Bô-Đề tâm, kỳ sự như thị.

Từ Phật đó được nghe tên Phật Pháp Tăng, xa xưa phát tâm A-nậu đa-la tam-miệu-tam Bô-Đề, việc đó là như thế.

佛告跋陀波羅：汝今當知！我念過去無量、無數阿僧祇劫。

Phật cáo Bạt-đà Ba-la : Nhữ kim đương tri ! Ngã niệm Quá khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

Phật bảo Bạt-đà Ba-la : Ngài nay cần biết ! Ta nhớ lại thời Quá khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

此娑婆世界有一大國，名波羅奈，王名梵德，常以善法化諸人民。

Thử Sa-bà thế giới hữu nhất đại Quốc danh Ba-la-nại, Vương danh Phạm-đức, thường dĩ thiện Pháp hóa chư nhân dân.

Sa-bà thế giới này có một Nước lớn tên là Ba-la-nại, Vua tên là Phạm Đức, thường dùng Pháp thiện giáo hóa nhân dân.

彼時人壽八萬四千劫。時王梵德自見衰相。

Bỉ thời nhân thọ bát vạn tứ thiên Kiếp. Thời Vương Phạm-đức tự kiến suy tướng.

Thời đó người thọ 8 vạn 4 nghìn Kiếp. Lúc đó Vua Phạm Đức tự nhìn thấy tướng mạo suy giảm.

以國付子，出家學道，於仙人生地，憂曇鉢林中。

Dĩ Quốc phó tử, xuất gia học Đạo ư Tiên nhân sinh địa Ưu-đàm-bát lâm trung.

Đem nước phó thác cho con, xuất gia học Đạo ở nơi đất sinh người Tiên trong rừng Ưu-đàm-bát.

晨朝出家，端坐思惟，經一食頃，逆順觀於十二因緣。

Thần triều xuất gia đoan tọa tư duy, kinh nhất thực khoảnh, nghịch thuận quan ư Thập nhị Nhân duyên.

Sáng sớm xuất gia ngồi đoan nghiêm tư duy, trải qua thời gian bằng một bữa ăn, thuận nghịch quan sát 12 Nhân duyên.

往復觀察凡十八遍，應時即得辟支佛道，踊身虛空作十八變。

Vãng phục quan sát phạm thập bát biến, ứng thời tức đắc Bích Chi Phật đạo, dũng thân hư không tác Thập bát biến.

Qua lại quan sát tất cả 18 biến hóa, hợp thời tức thì được Đạo Bích Chi Phật, bay lên trên khoảng không làm 18 biến hóa.

優曇林中有五百梵志，見辟支佛足下有十二因緣文字：

Ưu-đàm lâm trung hữu ngũ bách Phạm-chí, kiến Bích Chi Phật túc hạ hữu Thập nhị Nhân duyên văn tự：

Trong rừng Ưu-đàm có 500 Phạm chí, nhìn thấy dưới chân Bích Chi Phật có văn tự 12 Nhân duyên.

無明緣行、行緣識、識緣名色、名色緣六入、六入緣觸。

Vô-minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh-sắc, Danh-sắc duyên Lục-nhập, Lục-nhập duyên Xúc.

Hành là hệ quả của Ngu tối, Thức là hệ quả của Hành, Danh-sắc là hệ quả của Thức, 6 Nhập là hệ quả của Danh sắc, Xúc là hệ quả của 6 Nhập.

觸緣受、受緣愛、愛緣取、取緣有、有緣生、生緣老死憂悲苦惱。

Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lão Tử Ưu Bi Khổ Não.

Thụ là hệ quả của Xúc, Yêu là hệ quả của Thọ, Cầm giữ là hệ quả của Yêu, Có là hệ quả của Cầm giữ, Sinh là hệ quả của Có, Già Chết Ưu Bi Khổ Não là hệ quả của Sinh.

五百梵志見此文字，有觀無明緣行，無所依起。

Ngũ bách Phạm-chí kiến thử văn tự, hữu quan Vô-minh duyên Hành, vô sở y khởi.

Năm trăm Phạm-chí nhìn thấy văn tự, được quan sát Hành là hệ quả của Ngu tối, phát khởi

không có dựa đỡ.

有三百人，應時即得辟支佛道。又二百人，觀無明緣行。

Hữu tam bách nhân, ứng thời tức đắc Bích Chi Phật Đạo. Hựu nhị bách nhân quan Vô-minh duyên Hành.

Có 300 người hợp thời tức thì được Đạo Bích Chi Phật. Mới lại 200 người quan sát Hành là hệ quả của Ngu tối.

及愛取有，應時即得成辟支佛。又觀無明，乃至老死憂悲苦惱。

Cập Ái Thủ Hữu, ứng thời tức đắc thành Bích Chi Phật. Hựu quan Vô-minh, nãi chí Lão Tử Ưu Bi Khổ Nảo.

Cùng với Yêu Cầm giữ Có, hợp thời tức thì được thành Bích Chi Phật. Mới lại quan sát Ngu tối, thậm chí tới Già Chết Ưu Bi Khổ Nảo.

因無常行成辟支佛。優曇鉢林一日之中有五百一辟支佛出現於世。

Nhân Vô-thường hành thành Bích Chi Phật. Ưu-đàm-bát lâm nhất nhật chi trung, hữu ngũ bách nhất Bích Chi Phật xuất hiện ư thế.

Nhân do Hành thay đổi thành Bích Chi Phật. Trong rừng Ưu-đàm-bát một ngày có 501 Bích Chi Phật xuất hiện ở đời.

是時大地六種震動，乃至梵世諸天宮殿。時千梵王各以衣祴。

Thị thời Đại địa lục chủng chấn động, nãi chí Phạm thế chư Thiên cung điện. Thời thiên Phạm-vương các dĩ y giới.

Khi đó Đất lớn 6 loại chấn động, thậm chí tới các cung điện Trời của cõi Phạm. Khi đó 1 nghìn Phạm Vương chuẩn bị áo tui.

盛曼陀羅華、摩訶曼陀羅華、曼殊沙華、摩訶曼殊沙華。

Thịnh Mạn-đà-la hoa, Ma-ha Mạn-đà-la hoa, Mạn-thù-sa hoa, Ma-ha Mạn-thù-sa hoa.

Chứa đầy hoa Trời Mạn-đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha Mạn-thù-sa.

至優曇林中供養辟支佛，頭面禮足白言：大德！為我說法。

Chí Ưu-đàm lâm trung cúng dường Bích Chi Phật, đầu diện lễ túc bạch ngôn : Đại Đức ! Vì Ngã thuyết Pháp.

Tới cúng dường Bích Chi Phật trong rừng Ưu-đàm, đỉnh lễ xong bạch rằng : Đại Đức ! Vì con nói Pháp.

時辟支佛踊身虛空作十八變，舒手現足。

Thời Bích Chi Phật dũng thân hư không tác thập bát biến, thư thủ hiện túc.

Khi đó Bích Chi Phật thân bay lên khoảng không làm 18 biến hóa, duỗi cánh tay hiện ra chân.

時千梵王見其足下十二因緣文字相現。

Thời thiên Phạm-vương kiến kỳ túc hạ thập nhị nhân duyên văn tự tướng hiện.

Lúc đó 1 nghìn Phạm Vương nhìn thấy dưới chân của họ hiện ra hình ảnh văn tự 12 Nhân duyên.

見其掌中有十善文，於頂光中見五戒法、八支齋文。

Kiến kỳ chưởng trung hữu Thập thiện văn, ư đỉnh quang trung kiến ngũ giới Pháp, bát chi trai văn.

Nhìn thấy trên tay của họ có văn tự 10 Nghiệp thiện, nhìn thấy Pháp 5 Giới trong ánh quang trên đỉnh đầu, văn tự 8 Trai giới.

時千梵王身心歡喜，受持讀誦發弘誓願：

Thời thiên Phạm-vương thân tâm hoan hỷ, thụ trì đọc tụng phát hoàng thệ nguyện :

Khi đó 1 nghìn Phạm Vương thân tâm vui vẻ, ghi nhớ đọc tụng phát thệ nguyện lớn :

我等今者，見諸快士，結加趺坐，如入禪定。

Ngã đẳng kim giả kiến chư Khoái-sĩ, kiết già phu tọa như nhập Thiền-định.

Chúng con ngày nay nhìn thấy các người Trí tuệ ngay thẳng, ngồi thế kiết già như nhập vào Thiền Định.

身分光明，有此文字令我讀誦。

Thân phần Quang-minh hữu thủ văn tự linh ngã độc tụng.

Quang sáng phần của thân có văn tự này giúp con được đọc tụng.

時梵眾中，有一梵王，名曰慧見，告餘梵言：

Thời Phạm chúng trung hữu nhất Phạm-vương, danh viết Tuệ-kiến, cáo dư Phạm ngôn :

Thời đó trong chúng Phạm có một Phạm-vương, tên là Tuệ-kiến, bảo các Phạm khác nói rằng :

我於今者，見辟支佛，受持五戒、八支齋法，當行十善，觀諸緣起。

Ngã ư kim giả, kiến Bích Chi Phật, thụ trì ngũ giới, bát chi trai Pháp, đương hành Thập thiện, quan chư duyên khởi.

Con hôm nay nhìn thấy Bích Chi Phật, ghi nhận giữ 5 Giới, Pháp 8 Trai-giới, cần tu hành 10 Nghiệp thiện, quan sát phát khởi các duyên.

以此善根，迴向甚深阿耨多羅三藐三菩提。

Dĩ thử thiện Căn, hồi hướng thậm thâm A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Dùng Căn thiện này, hồi hướng thâm sâu về A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

願我等作佛時，說法度人，過於辟支佛百千萬倍。

Nguyện ngã đẳng tác Phật thời, thuyết Pháp độ nhân, quá ư Bích Chi Phật bách thiên vạn bội.

Chúng con nguyện lúc làm Phật, nói Pháp cứu độ người, vượt hơn Bích Chi Phật trăm nghìn vạn lần.

我成佛時，聞我名者，見我形者。

Ngã thành Phật thời, văn Ngã danh giả, kiến Ngã hình giả.

Lúc con thành Phật, nghe được tên của con, nhìn thấy hình tượng của con.

速得除滅無量障礙，如我今者，見辟支佛。

Tốc đắc trừ diệt vô lượng chướng ngại, như Ngã kim giả kiến Bích Chi Phật.

Nhanh chóng trừ diệt được vô lượng chướng ngại, như con ngày nay nhìn thấy Bích Chi Phật.

時千梵王供養畢已，各還所安，隨梵天壽。

Thời thiên Phạm-vương cúng dường tất dĩ, các hoàn sở an tùy Phạm-thiên thọ.

Khi đó 1 nghìn Phạm Vương cúng dường đã hoàn tất, họ trở về nơi ở yên ổn, thuận theo thọ mệnh của Phạm-thiên.

後各命終，命終之後，於娑婆世界千四天下。

Hậu các mệnh chung, mệnh chung chi hậu, ư Sa-bà thế giới thiên tứ thiên hạ.

Sau đó họ bỏ mệnh, sau khi bỏ mệnh, ở trong 1.004 Thiên hạ của Sa-bà thế giới.

為千轉輪王，十善教化，本善願故，不隨因緣。

Vì thiên Chuyển luân Vương, Thập-thiện giáo hóa bản thiện nguyện cố, bất tùy nhân duyên.

Là 1 nghìn Chuyển luân Vương, giáo hóa 10 Nghiệp thiện, do bản nguyện thiện, không thuận theo Nhân duyên.

壽命八萬四千歲。臨欲終時雪山之中。

Thọ mệnh bát vạn tứ thiên tuế. Lâm dục chung thời, Tuyết sơn chi trung.

Thọ mệnh 8 vạn 4 nghìn năm. Lúc sắp bỏ mệnh ở trong núi Tuyết.

有一婆羅門，聰明多智，壽命半劫。於先經中聞過去有佛。

Hữu nhất Bà-la-môn, thông minh đa trí, thọ mệnh bán Kiếp. Ư Tiên Kinh trung văn Quá khứ hữu Phật ,

Có một Bà-la-môn, thông minh nhiều Trí tuệ, thọ mệnh nửa Kiếp. Ở trong Kinh của Tiên nghe được thời Quá khứ có Phật.

號栴檀莊嚴如來，十號具足。彼佛世尊，說甚深檀波羅蜜。

Hiệu Chiên Đàn Trang Nghiêm Như Lai, thập hiệu cụ túc. Bỉ Phật Thế Tôn thuyết thậm thâm Đàn Ba-la-mật.

Danh hiệu Chiên Đàn Trang Nghiêm Như Lai, đầy đủ 10 Danh hiệu. Phật Thế Tôn đó nói thâm sâu Pháp Bồ Thí tới Niết bàn.

不見施者及以受者，心行平等而行布施。

Bất kiến Thí giả cập dĩ thụ giả, tâm hành bình đẳng nhi hành Bồ-thí.

Người không nhìn thấy Bồ Thí cùng với người thu nhận, tâm thực hành công bằng mà làm Bồ Thí.

時大仙人，聞此事已，從雪山出，詣千聖王，求索財寶。

Thời Đại Tiên-nhân văn thử sự dĩ, tòng Tuyết sơn xuất nghệ thiên Thánh Vương, cầu tác tài bảo.

Khi đó Đại Tiên nghe xong việc này, từ núi Tuyết đi tới nơi 1 nghìn Thánh Vương, cầu xin báu vật.

廣為諸王讚說甚深檀波羅蜜。翹於右足，而舉右手。

Quảng vị chư Vương tán thuyết thâm thâm Đản Ba-la-mật. Kiêu ư hữu túc nhi cử hữu thủ.
Rộng khắp vì các Vương ca ngợi nói thâm sâu Pháp Bồ Thí tới Niết bàn. Chân phải nhắc lên
mà đưa tay phải.

住立王前，而說偈言：

Trụ lập Vương tiền, nhi thuyết kệ ngôn :

Đứng ở trước mặt Vương, mà nói bài kệ rằng :

施為妙善藥 服者常不死

Thí vi diệu thiện dược. Phục giả thường bất tử.

Thí là thuốc diệu thiện. Người uống thường không chết.

不見身與心 觀財物空寂

Bất kiến thân dữ tâm. Quan tài vật không tịch.

Không thấy tâm và thân. Xem tài vật rỗng lặng.

受者如虛空 如是行布施

Thụ giả như hư không. Như thị hành Bồ-thí.

Người nhận như khoảng không. Hành Bồ Thí như thế.

無財及受者， 乃應菩薩行

Vô tài cập thụ giả. Nãi ưng Bồ-tát hành.

Không vật cùng người nhận. Mới cần Hành Bồ-tát.

時千聖王各以國土付其太子，告下諸國：

Thời thiên Thánh Vương các dĩ quốc thổ phó kỳ Thái-tử, cáo hạ chư quốc :

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương, họ đem đất nước phó thác cho Thái Tử, bố cáo xuống các
Nước.

我等今者，欲修一切施。諸有貧窮須財寶者。

Ngã đẳng kim giả dục tu nhất thiết Thí, chư hữu bần cùng tu tài bảo giả.

Chúng tôi ngày nay muốn tu hành tất cả Bồ Thí. Những người bần cùng cần có tài vật.

可詣我所，當隨意施。爾時諸國一切人民。

Khả nghê Ngã sở, đương tùy ý thí. Nhĩ thời chư quốc nhất thiết nhân dân.

Có thể tới nơi chúng tôi ở, đang Bồ Thí tùy theo ý. Khi đó tất cả nhân dân của các Nước.

皆悉來集千聖王所，白言聖王：

Giai tất lai tập thiên Thánh Vương sở, bạch ngôn Thánh Vương :

Tất cả đều tụ tập tới nơi ở của 1 nghìn Thánh Vương, bạch Thánh Vương nói rằng:

我等今者，唯乏二事，餘無所須。

Ngã đẳng kim giả duy phạp nhị sự, dư vô sở tu.

Chúng con ngày nay duy chỉ có 2 việc, ngoài ra không có nhu cầu.

何等二事？一者天樂，二者天女。

Hà đẳng nhị sự？Nhất giả Thiên nhạc, nhị giả Thiên nữ.

Hai việc là gì？Một là âm nhạc cõi Trời, hai cung nữ cõi Trời.

時千聖王持摩尼珠置高幢上，發大誓願：

Thời thiên Thánh Vương trì Ma-ni châu trí cao tràng thượng, phát đại thệ nguyện :

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương cầm châu Như ý dính lên tràng cao, phát thệ nguyện lớn :

我等福德受善果報，真實不虛。

Ngã đẳng Phúc-đức, thụ thiện quả báo, chân thực bất hư.

Phúc Đức của chúng con nhận được quả báo, chân thực không sai.

令如意珠普雨天樂供給一切，應念即兩種種樂器。

Linh Như ý châu phổ vũ Thiên nhạc cung cấp nhất thiết, ưng niệm tức vũ chủng chủng nhạc
khí.

Giúp châu Như ý rắc ra khắp nơi nhạc cõi Trời cung cấp cho tất cả, theo suy niệm tức thời rắc
ra các loại nhạc cụ.

時諸樂器住虛空中不鼓自鳴，復更生念：

Thời chư nhạc khí trụ hư không trung bất cổ tự minh, phục cánh sinh niệm :

Khi đó các nhạc cụ ở trong khoảng không không đánh tự kêu, lại càng tăng sinh thêm suy

niệm.

若我福善真實不虛，令如意珠普雨天女。

Nhược Ngã Phúc thiện chân thực bất hư, linh Như ý châu phổ vũ Thiên-nữ.

Nếu Phúc thiện của con là chân thực không sai, giúp châu Như ý rắc ra Thiên-nữ

應念即雨種種天女，容儀庠序如魔天后。

Ứng niệm tức vũ chủng chủng Thiên nữ, dung nghi tường tự như Ma-Thiên-hậu.

Theo suy niệm tức thì rắc ra các loại Thiên nữ, dung mạo uy nghi thứ tự như Ma-thiên-hậu.

一一天女，各有五百眷屬以為侍者。

Nhất nhất Thiên nữ các hữu ngũ bách quyến thuộc dĩ vi thị giả.

Tùng Thiên nữ, họ có 500 thân quyến dùng làm người trợ giúp.

時千聖王滿眾願已，即捨國土出家學道。

Thời thiên Thánh Vương mãn chúng nguyện dĩ, tức xả quốc thổ xuất gia học đạo.

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương đã thỏa mãn các nguyện cầu, tức thì buông bỏ Đất nước xuất gia học Đạo.

時王千子及諸臣民，皆悉號咷隨從王後，奉送大王至於雪山。

Thời Vương thiên tử cập chư thần dân, giai tất hiệu đào tùy tòng Vương hậu, phụng tống

Đại Vương chí ư Tuyết sơn.

Thời đó con của Vua cùng với các quần thần nhân dân, tất cả đều kêu khóc đi theo sau Vua, cung kính tiễn Vua tới núi Tuyết.

時千聖王告諸臣民：諸行無常，我身無主。

Thời thiên Thánh Vương cáo chư thần dân : Chư hành Vô-thường, Ngã thân vô chủ.

Lúc đó 1 nghìn Thánh Vương bỏ cáo các quần thần nhân dân : Các Hành thay đổi, bản thân không có chủ thể.

性相皆空，有者歸滅。我於今者，信解此義。

Tính Tướng giai không, hữu giả quy diệt. Ngã ư kim giả, tín giải thử nghĩa.

Tính Tướng đều rỗng không, Có lại mất đi. Tôi ngày nay Tin hiểu nghĩa này.

是以棄國，無所戀著。即隨婆羅門入於雪山，王子臣民辭退還國。

Thị dĩ khí quốc, vô sở luyến trước. Tức tùy Bà-la-môn nhập ư Tuyết sơn, Vương tử thần dân từ thoái hoàn quốc.

Buông bỏ Đất nước, không có luyến tiếc. Tức thì theo Bà-la-môn đi vào trong núi Tuyết, con Vua quần thần nhân dân trở về Nước cũ.

時千聖王於雪山中各立草菴，端坐思惟，發弘誓願。

Thời thiên Thánh Vương ư Tuyết sơn trung các lập thảo am, đoan tọa tư duy phát hoàng thệ nguyện.

Lúc đó 1 nghìn Thánh Vương ở trong núi Tuyết họ tạo lập các lều cỏ tranh, đoan nghiêm ngồi tư duy phát thệ nguyện lớn.

當度一切求無上道，思大施義，聖王宿世十善報故。

Đương độ nhất thiết cầu Vô-thượng đạo, tư đại thí nghĩa Thánh Vương túc thể, Thập thiện báo cố.

Cần cầu Đạo Bình đẳng độ thoát tất cả, tư duy nghĩa Bồ Thí lớn, do báo ứng 10 Nghiệp thiện Kiếp trước của Thánh Vương.

雪山千神，各獻仙果，日日供給，更不求食，

Tuyết sơn thiên Thần các hiến tiên quả, nhật nhật cung cấp cánh bắt cầu thực.

Một nghìn Thần của núi Tuyết, họ hiến cúng quả Tiên, hàng ngày cung cấp càng không cầu ăn uống.

應時即得獲五神通，飛騰虛空，壽命一劫。

Ứng thời tức đắc hoạch ngũ Thần-thông, phi đằng hư không, thọ mệnh nhất Kiếp.

Theo thời gian tức thì thu hoạch được 5 Thần thông, bay đi trên khoảng không, mệnh thọ một Kiếp.

時雪山中有大夜叉，身長四千里，狗牙上出高八十里。

Thời Tuyết sơn trung hữu Đại Dạ-xoa, thân trường tứ thiên lý, cẩu nha thượng xuất cao bát thập lý.

Khi đó ở trong núi Tuyết có Đại Dạ-xoa, thân cao 2 nghìn km, răng lạnh bên trên dài ra 40

km.

面十二眼，眼出迸血，光如融銅。

Diện thập nhị nhãn, nhãn xuất binh huyết, quang như dung đồng.

Mặt có 12 mắt, mắt xuất hiện ra máu, ánh quang như nước đồng nung chảy.

左手持劍、右手持叉，住聖王前，高聲唱言：

Tả thủ trì kiếm hữu thủ trì xoa, trụ Thánh Vương tiền, cao thanh xướng ngôn :

Tay trái cầm kiếm, tay phải cầm đinh ba chĩa, đứng ở trước mặt Thánh Vương, âm thanh lớn kêu rằng :

我今飢渴，無所飯食，唯願聖王慈悲矜愍，施我少食。

Ngã kim cơ khát, vô sở phạn thực, duy nguyện Thánh Vương Từ Bi cãng mẫn, Thí Ngã thiểu thực.

Tôi nay đói khát, không có cơm ăn, mong muốn Thánh Vương Từ Bi thương xót, Bỏ Thí cho tôi một chút thức ăn.

時千聖王告夜叉言：我等誓願，一切施與。

Thời thiên Thánh Vương cáo Dạ-xoa ngôn : Ngã đẳng thệ nguyện nhất thiết thí dữ.

Lúc đó 1 nghìn Thánh Vương bảo Dạ-xoa nói rằng : Chúng tôi thệ nguyện Bỏ Thí cho tất cả.

各各以水澡夜叉手，授以仙果，而令食之。

Các các dĩ thủy táo Dạ-xoa thủ, thụ dĩ tiên quả nhi linh thực chi.

Từng người lấy nước rửa tay cho Dạ-xoa, đem quả Tiên mà làm thức ăn.

夜叉得果，怒棄置地，告聖王言：我父夜叉噉人精氣。

Dạ-xoa đắc quả, nộ khất trí địa cáo Thánh Vương ngôn : Ngã phụ Dạ-xoa đạm nhân tinh khí,

Dạ-xoa nhận được quả, tức giận vứt xuống đất bảo các Thánh Vương rằng : Cha của tôi là Dạ-xoa ăn tinh khí của người.

我母羅刹，恒噉人心、飲人熱血。我今飢急，唯須人心血，何用果為？

Ngã mẫu La-sát hằng đạm nhân tâm, ẩm nhân nhiệt huyết, ngã kim cơ cấp, duy tu nhân tâm huyết, hà dụng quả vi ?

Mẹ của tôi là La-sát, thường ăn tim người, uống máu nóng của người. Tôi nay quá đói, chỉ cần tim máu huyết của người, sao lại dùng quả được ?

時千聖王告夜叉言：一切難捨無過己身。

Thời thiên Thánh Vương cáo Dạ-xoa ngôn : Nhất thiết nan xả, vô quá kỷ thân.

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương bảo Dạ-xoa rằng : Tất cả khó buông bỏ, bản thân mình không bỏ qua.

我等今日不能捨心持用相與。是時夜叉即說偈言：

Ngã đẳng kim nhật bất năng xả tâm trì dụng tương dữ. Thị thời Dạ-xoa tức thuyết kệ ngôn :

Chúng tôi ngày nay tâm không thể buông bỏ dùng đem ban cho. Lúc đó Dạ-xoa tức thời nói bài kệ rằng :

觀心無心相 四大色所成

Quan tâm vô tâm tướng. Tứ-đại sắc sở thành.

Xem tâm tướng tâm rỗng. Thân Bốn Đại được thành.

一切悉能捨 乃應菩薩行

Nhất thiết tất năng xả. Nãi ưng Bồ-tát hành.

Năng buông bỏ tất cả. Mới hành Đạo Bồ-tát.

時雪山中有婆羅門，名牢度跋提，白夜叉言：

Thời Tuyết sơn trung hữu Bà-la-môn, danh Lao-độ Bạt đề, bạch Dạ-xoa ngôn :

Khi đó trong núi Tuyết có Bà-la-môn, tên hiệu Lao-độ Bạt đề, bạch Dạ-xoa rằng :

唯願大師，為我說法，我今不惜心之與血。

Duy nguyện Đại-sư, vị Ngã thuyết Pháp. Ngã kim bất tích tâm chi dữ huyết.

Mong muốn Đại-sư vì con nói Pháp. Con nay tâm không tiếc ban cho máu huyết.

即脫單衣敷為高座，即請夜叉令就此座。

Tức thoát đơn y, phu vi cao tòa, tức thỉnh Dạ-xoa linh tựu thủ tòa.

Tức thì cởi bỏ áo mặc mở một tòa cao, liền mời Dạ-xoa tới nơi tòa này.

時大夜叉即說偈言：

Thời Đại Dạ-xoa tức thuyết kệ ngôn :

Lúc đó Đại Dạ-xoa liền nói bài kệ rằng :

欲求無為道 不惜身心分

Dục cầu Vô-vi đạo. Bất tích thân tâm phần.

Muốn cầu Đạo Rỗng không. Không tiếc phần thân tâm.

割截受眾苦 能忍猶如地

Cát tiết thụ chúng khổ. Năng nhẫn do như địa.

Cắt đứt nhận các khổ. Năng Nhẫn như Đất mẹ.

亦不見受者 求法心不悔

Diệc bất kiến thụ giả. Cầu Pháp tâm bất hối.

Cũng không nhìn thấy nhận. Cầu Pháp tâm không hối.

一切無悋惜 猶如救頭然

Nhất thiết vô lận tích. Do như cứu đầu nhiên.

Tất cả không tham tiếc. Như cứu lửa đốt đầu.

普濟眾飢渴 乃應菩薩行

Phổ tế chúng cơ khát. Nãi ứng Bồ-tát hạnh.

Cứu giúp các đói khát. Mới hành Đạo Bồ-tát.

時牢度跋提聞此偈已，身心歡喜，即持利劍刺胸出心。

Thời Lao-độ Bạt-đề văn thử kệ dĩ, thân tâm hoan hi, tức trì lợi kiếm thích hung xuất tâm.

Khi đó Lao-độ Bạt-đề nghe xong bài kệ này, thân tâm vui mừng, tức thì cầm kiếm sắc phanh lòng ngực lấy tim ra.

是時地神從地踊出，白牢度跋提：

Thị thời Địa-thần tòng địa dũng xuất, bạch Lao-độ Bạt-đề :

Lúc đó Thần đất từ trong đất hiện ra, bạch Lao-độ Bạt-đề :

唯願大仙愍憐我等及山樹神，莫為一鬼捨於身命。

Duy nguyện Đại-tiên, mẫn liên ngã đẳng cập sơn thụ Thần, mạc vị nhất Quỷ xả ư thân mệnh.

Mong muốn Đại Tiên thương xót chúng con cùng với Thần núi Thần cây, không vì một con Quỷ buông bỏ đi thân mệnh.

時牢度跋提告諸神言：

Thời Lao-độ Bạt-đề cáo chư Thần ngôn :

Khi đó Lao-độ Bạt-đề bảo các Thần rằng :

此身如幻炎 隨現即變滅，

Thử thân như huyền viêm. Tùy hiện tức biến diệt.

Thân này như nóng áo. Hiện ra liền biến mất.

猶如呼聲響 呼已更不應

Do như hô thanh hưởng. Hô dĩ cánh bất ứng.

Như tiếng reo lan tỏa. Reo xong càng không ứng.

四大五陰力 其勢不久停

Tứ-đại Ngũ-âm lực. Kỳ thế bất cửu đình.

Bốn Đại, Lực 5 Uẩn. Thế đó không dừng lâu.

於千萬億歲 未曾為法死

Ư thiên vạn ức tuế. Vị tăng vị Pháp tử.

Trong nghìn vạn triệu năm. Chưa từng chết vì Pháp.

我今為法故 以心血布施

Ngã kim vị Pháp cố. Dĩ tâm huyết Bồ-thí.

Ta nay cố vì Pháp. Dùng tâm huyết Bồ Thí.

慎勿固遮我， 障我無上慧

Thận vật cố già ngã. Chương ngã Vô-thượng tuệ.

Thận trọng đừng ngăn tôi. Cản Tuệ Bình đẳng của tôi.

以此布施報， 誓願成佛道，

Dĩ thử Bồ-thí báo. Thệ nguyện thành Phật đạo.

Dùng nó báo Bồ Thí. Thệ nguyện thành Đạo Phật.

若後成佛時， 要先度汝等。

Nhược hậu thành Phật thời. Yếu tiên độ nhữ đẳng.

Nếu sau khi thành Phật. Độ các Ngài đầu tiên.

說此偈已，臥夜叉前，以劍刺頸，施夜叉血。

Thuyết thử kệ dĩ, ngọa Dạ-xoa tiền, dĩ kiếm thử cảnh, thí Dạ-xoa huyết.

Nói xong bài kệ này, nằm trước mặt Dạ xoa, dùng kiếm cắt cổ bỏ thí máu cho Dạ xoa.

即復破胸，出心與之。是時天地大動，日無精光。

Tức phục phá hung, xuất tâm dữ chi. Thị thời Thiên địa đại động, Nhật vô tinh quang.

Tức thời lại phanh lồng ngực lấy tim mang cho. Lúc đó Trời Đất chấn động lớn, mặt Trời không có ánh quang.

無雲而雷，有五夜叉從四方來，爭取分裂，競共食之。

Vô vân nhi lôi, hữu ngũ Dạ-xoa tòng tứ phương lai, tranh thủ phần liệt cạnh cộng thực chi.

Không có mây mà có sấm rền, có 5 Dạ xoa từ 4 phương tới, tranh nhau cầm lấy phần còn lại, tranh nhau cùng ăn.

食已大叫，躍立空中，告千聖王：

Thực dĩ đại khiếu, dục lập không trung, cáo thiên Thánh Vương：

Ăn xong kêu lớn, dứng mãnh đứng ở trong không, nói với 1 nghìn Thánh Vương rằng：

誰能行施如牟度跋提，如此行施乃可成佛。

Thùy năng hành thí như Lao-độ Bạt-đề, như thử hành thí nãi khả thành Phật.

Ai năng thực hành Bồ Thí như Lao-độ Bạt-đề, thực hành Bồ Thí như thế mới có thể thành Phật.

時千聖王驚怖退沒，不欲菩提，生變悔心，各欲還國。

Thời thiên Thánh Vương kinh bố thoái một, bất dục Bồ-đề, sinh biến hối tâm, các dục hoàn quốc.

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương sợ hãi thoái lui, không muốn có Bồ-đề, tâm sinh biến thành hối hận, họ muốn trở về Nước cũ.

時五夜叉即說偈言：

Thời ngũ Dạ-xoa tức thuyết kệ ngôn：

Lúc đó 5 Dạ xoa liền nói bài kệ rằng：

不殺是佛種 慈心為良藥

Bất sát thị Phật chủng. Từ tâm vi lương dược.

Không giết là giống Phật. Tâm Từ là thuốc lành.

大悲常安隱 終無老死異

Đại Bi thường an ổn. Chung vô lão tử dị.

Đại Bi thường yên ổn. Hết Già Chết chia ly

一切受身者 畏殺毒害人

Nhất thiết thụ thân giả. Úy sát độc hại nhân.

Nhận tất cả thân giả. Sợ sát độc hại người.

是故諸菩薩 教行不殺戒

Thị cố chư Bồ-tát. Giáo hành bất Sát-giới.

Vì thế các Bồ-tát. Dạy hành không Sát-Giới.

汝今若畏死 當行不殺事

Nhữ kim nhược úy tử. Đương hành bất sát sự.

Ngài nay nếu sợ chết. Đang làm việc không giết.

云何欲還國 捨靜求憤鬧

Vân hà dục hoàn quốc. Xả tĩnh cầu hội náo.

Vì sao trở về Nước. Bỏ Tĩnh cầu náo loạn.

時千聖王聞此語已，皆默然住。佛告跋陀波羅：

Thời thiên Thánh Vương văn thử ngữ dĩ, giai mặc nhiên trụ. Phật cáo Bạt-đà Ba-la：

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương nghe xong lời này, đều im lặng tự nhiên ở lại. Phật bảo Bạt-đà Ba-la：

汝今當知！第一婆羅門，讚檀波羅蜜者，過去定光明王佛是。

Nhữ kim đương tri ! Đệ nhất Bà-la-môn tán Đàn Ba-la-mật giả, Quá-khứ Định Quang Minh Vương Phật thị.

Ngài nay cần biết ! Bà-la-môn thứ nhất khen ngợi Hành Bồ Thí tới Niết-bàn, chính là Quá-khứ Định Quang Minh Vương Phật.

牢度跋提者，過去然燈佛是。

Lao-độ Bạt-đề giả Quá-khứ Nhiên Đăng Phật thị.

Lao-độ Bạt-đề chính là Quá-khứ Nhiên Đăng Phật.

時千聖王出家學道，見然燈佛修諸苦行，心生悔恨。

Thời thiên Thánh Vương xuất gia học đạo, kiến Nhiên Đăng Phật tu chư khổ hạnh, tâm sinh hối hận.

Khi đó 1 nghìn Thánh Vương xuất gia học Đạo, nhìn thấy Nhiên Đăng Phật tu hành các hạnh khổ, tâm sinh hối hận.

於一劫中墮大地獄，雖墮地獄，菩提願力莊嚴心故，火不能燒。

Ư nhất Kiếp trung đọa Đại Địa-ngục, tuy đọa Địa-ngục, Bồ-đề nguyện lực trang nghiêm tâm cố, hỏa bất năng thiêu.

Ở trong 1 Kiếp đọa xuống Đại Địa ngục, tuy đọa xuống Địa ngục do tâm Lực Nguyện trang nghiêm Bồ-đề, lửa không thể thiêu đốt.

從是已後，復得值遇燈明王菩薩為其說法。

Tông thị dĩ hậu, phục đắc trực ngộ Đăng-minh-vương Bồ-tát vị kỳ thuyết Pháp.

Từ đó về sau lại trực tiếp gặp được Đăng-minh-vương Bồ-tát vì họ nói Pháp.

從地獄出，廣為讚歎過去千佛解脫稱莊嚴佛。

Tông Địa-ngục xuất, quảng vị tán thán Quá-khứ thiên Phật giải thoát xưng Trang Nghiêm Phật.

Ra khỏi từ Địa ngục, rộng khắp ca ngợi Quá-khứ nghìn Phật Giải thoát nói là Trang Nghiêm Phật.

乃至最後妙自在王佛。時千聖王聞千佛名，歡喜敬禮。

Nãi chí tối hậu Diệu Tự Tại Vương Phật. Thời thiên Thánh Vương văn thiên Phật danh, hoan hi kính lễ.

Thậm chí tới cuối cùng Diệu Tự Tại Vương Phật. Khi đó 1 nghìn Thánh Vương nghe được tên hiệu 1 nghìn Phật, vui mừng kính lễ.

以是因緣超越九億那由他恒河沙劫生死之罪。

Dĩ thị nhân duyên siêu việt cứu ức Na-do-tha Hằng-hà sa Kiếp sinh tử chi tội.

Do nhân duyên đó siêu thoát Nghiệp tội sinh chết của 9 triệu Na-do-tha Hằng-hà sa Kiếp.

跋陀波羅！汝今當知！時千聖王豈異人乎？我等賢劫千佛是也。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Thời thiên Thánh Vương khởi dĩ nhân hô ? Ngã đẳng Hiền Kiếp thiên Phật thị dã.

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Thời đó 1 nghìn Thánh Vương họ là ai vậy ? Cũng chính là Chúng Ta nghìn Phật của Kiếp Hiền.

佛說是時，一切大眾聞佛所說，皆大歡喜。

Phật thuyết thị thời nhất thiết Đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hi.

Lúc Phật nói điều đó, tất cả Đại chúng nghe được Phật nói, đều rất vui mừng.

八十人發無上道心。二百五十人，漏盡意解成阿羅漢。

Bát thập nhân phát Vô-thượng đạo tâm. Nhị bách ngũ thập nhân, lậu tận ý giải thành A-la-hán.

80 người phát tâm Đạo Bình đẳng. 250 người hết phiền não hiểu ý thành A-la-hán.

復次跋陀波羅！乃往過去無量、無數阿僧祇劫。

Phục thứ Bạt-đà Ba-la ! Nãi vãng Quá-khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

Lại nữa Bạt-đà Ba-la ! Trở lại Quá-khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

此閻浮提有大國王，名須闍提，國名勝幡。

Thử Diêm-phù-đề hữu Đại Quốc Vương, danh Tu-xà-đề, Quốc danh Thắng-phan.

Diêm-phù-đề này có Đại Quốc Vương, tên là Tu-xà-đề, tên Nước là Thắng-phan.

其王生時，七寶承足，天降瑞應三十有四。

Kỳ Vương sinh thời, thất bảo thừa túc, Thiên giáng thụ ứng Tam-thập hữu tứ.

Khi sinh ra Vua đó, chân đạp lên 7 báu, Trời giáng điềm báo Tam-thập hữu tứ.

墮地即行七寶自至，四方諸山，各有一億神仙，五通具足飛集殿前。

Đọa địa tức hành thất bảo tự chí, tứ phương chư sơn các hữu nhất ức Thần-tiên, Ngũ-thông cụ túc phi tập Điện tiền.

Chạm xuống đất bảy báu tự tới liền bước đi, các núi 4 phương, các nơi có 1 triệu Thần Tiên, đầy đủ 5 Thần thông bay tới tụ tập ở trước Điện đường.

復有百萬億恒河沙七寶大山，踊出殿前列住空中以應神仙。

Phục hữu bách vạn ức Hằng-hà sa thất bảo Đại sơn, dũng xuất Điện tiền liệt trụ không trung dĩ ứng Thần-tiên.

Lại có trăm vạn triệu Hằng-hà sa núi lớn bằng 7 báu, hiện ra ở trước Điện đường la liệt trong khoảng không, do thuận theo Thần Tiên.

須闍提王漸漸長大，王四天下威德自在。

Tu-xà-đề Vương tiệm tiệm trường đại, Vương tứ Thiên-hạ uy đức Tự tại.

Vương Tu-xà-đề dần dần trưởng thành, Vương uy đức Tự tại 4 châu Thiên hạ.

十善化人，王德力故一切人民，皆受快樂如忉利天。

Thập-thiện hóa nhân, Vương đức lực cố nhất thiết nhân dân, giai thụ khoái lạc như Đao-Lợi Thiên.

10 Nghiệp thiện đạo giáo hóa dân chúng, do uy Đức của Vương tất cả nhân dân, đều nhận được vui vẻ như ở cung Trời Đao Lợi.

時諸仙人，各持仙經授王令讀，王讀經已，聞過去有佛。

Thời chư Tiên nhân, các trì Tiên Kinh thụ Vương linh độc, Vương độc Kinh dĩ, văn Quá-khứ hữu Phật.

Thời đó các người Tiên, họ cầm Kinh Tiên chuyển cho Vương đọc, Vương đọc xong Kinh nghe có Phật thời Quá khứ.

號寶華琉璃功德光照如來，十號具足。

Hiệu Bảo Hoa Lưu Ly Công Đức Quang Chiếu Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Danh hiệu Bảo Hoa Lưu Ly Công Đức Quang Chiếu Như Lai, đầy đủ 10 Danh hiệu.

王聞佛名身心歡喜，即脫寶冠向四方禮，發大誓願：

Wương văn Phật danh thân tâm hoan hỷ, tức thoát bảo quán hướng tứ phương lễ, phát đại thệ nguyện :

Vương nghe được danh hiệu của Phật thân tâm vui mừng, tức thời tháo bỏ mũ báu hướng về 4 phương phục lễ, phát thệ nguyện lớn.

我於今日，捨四天下一切所珍，出家學道，坐於光明菩提樹下，身心不動。

Ngã ư kim nhật, xả tứ Thiên hạ nhất thiết sở trân, xuất gia học đạo tọa ư Quang-minh Bồ-đề thụ hạ, thân tâm bất động.

Con ngày hôm nay, buông bỏ tất cả châu báu của 4 châu Thiên hạ, xuất gia học Đạo ngồi dưới cây Quang-minh Bồ-đề, thân tâm không động.

若不得成阿耨多羅三藐三菩提，我終不起。

Nhược bất đắc thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, ngã chung bất khởi.

Nếu không được thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, con cuối cùng không đứng lên.

是時六欲天王，名金剛摩尼珠，與諸魔眾八萬億千。

Thị thời Lục dục Thiên-vương, danh Kim-cương Ma-ni-châu, dữ chư Ma chúng bát vạn ức thiên.

Lúc đó Thiên Vương cõi Dục tầng thứ 6, tên là Kim-cương Ma-ni-châu cùng với các chúng Ma 8 vạn triệu nghìn.

一一鬼兵作百億變狀甚可怖畏，競集道樹。

Nhất nhất Quỷ binh tác bách ức biến trạng thậm khả bố úy, cạnh tập đạo thụ.

Mỗi một Quỷ binh làm thành trăm triệu biến hóa hình trạng rất là sợ hãi, tranh nhau tụ tập bên cây Đạo.

時須闍提王端坐樹下，入智印慈心王三昧，三昧力故。

Thời Tu-xà-đề Vương đốn tọa thụ hạ, nhập Trí ấn Từ tâm vương Tam-muội, Tam-muội lực cố.

Khi đó Vương Tu-xà-đề ngồi đốn nghiêm dưới cây, nhập vào Trí ấn Từ-tâm-vương Tam-muội, do Lực của Tam-muội.

時魔兵眾同時碎壞，經七七日，得成阿耨多羅三藐三菩提。

Thời Ma binh Chúng đồng thời toái hoại, kinh thất thất nhật đắc thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Lúc đó các Ma binh đồng thời tan hoại, qua 49 ngày được thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

時諸神仙，俱來勸請轉妙法輪。

Thời chư Thần-tiên câu lai khuyến thỉnh chuyển diệu Pháp luân.

Khi đó các Thần Tiên cùng nhau tới thỉnh cầu mời nói diệu Pháp.

仙人眾中有一大仙，名曰光果，說偈請曰：

Tiên nhân chúng trung hữu nhất Đại Tiên, danh viết Quang-quả thuyết kệ thỉnh viết：

Trong các người Tiên có một Đại Tiên, tên là Quang-quả nói bài kệ thỉnh cầu là：

大德須闍提 金輪王四域

Đại Đức Tu-xà-đề. Kim-luân Vương tứ vực.

Đại Đức Tu-xà-đề. Bốn loại Kim-luân Vương.

今捨此七寶 如鳥去一毛

Kim xả thử thất bảo. Như điều khứ nhất mao.

Nay bỏ 7 báu này. Như chim bỏ mất lông.

坐於光明樹 降伏萬億魔

Tọa ư Quang-minh thụ. Hàng phục vạn ức Ma.

Ngồi dưới cây Quang minh. Hàng phục vạn triệu Ma.

甘露法已聞 學道已成就

Cam-lộ Pháp dĩ văn. Học Đạo dĩ thành tựu.

Nghe xong Pháp Tịnh giới. Học Đạo đã thành công.

相好特無比 威光照十方

Tướng-hảo đặc vô tỉ. Uy quang chiếu thập phương.

Tướng Hảo không sánh được. Uy quang chiếu mười phương.

當號大善寂 願必度我等

Đương hiệu Đại Thiện Tịch. Nguyên tất độ ngã đẳng.

Tên hiệu Đại Thiện Tịch. Nguyên độ hết chúng ta.

我今頭面禮 勸請轉法輪

Ngã kim đầu diện lễ. Khuyến thỉnh chuyển Pháp luân.

Con nay phục đảnh lễ. Thỉnh cầu nói diệu Pháp.

第二仙人名曰光藏，復說偈言：

Đệ nhị Tiên-nhân danh viết Quang-tạng, phục thuyết kệ ngôn：

Vị Tiên thứ hai tên là Quang-tạng, lại nói bài kệ rằng：

大聖愍眾生 誓願坐樹下

Đại-Thánh mẫn chúng sinh. Thệ nguyện tọa thụ hạ.

Đại-Thánh thương chúng sinh. Thệ nguyện ngồi dưới cây.

摧伏諸魔軍 結使海已竭

Tồi phục chư Ma quân. Kết sử hải dĩ kiệt.

Hàng phục các quân Ma. Biển oán kết đã cạn.

願為眾生故 廣說甘露法

Nguyên vị chúng sinh cố. Quảng thuyết Cam-lộ Pháp.

Do nguyện vì chúng sinh. Nói rộng khắp Pháp tịnh.

爾時世尊，默然受於諸仙人請。

Nhĩ thời Thế Tôn mặc nhiên thụ ư chư Tiên-nhân thỉnh.

Khi đó Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của các vị Tiên.

於光明菩提樹下轉妙法輪，舉身放光照十方界。

Ư Quang-minh Bồ-đề thụ hạ chuyển diệu Pháp luân, cử thân phóng quang chiếu thập phương giới.

Ở dưới cây Quang minh Bồ-đề nói vi diệu Pháp, chuyển thân phóng quang chiếu 10 phương thế giới.

皆如金色，廣說四諦及十二因緣，凡百億偈。

Giai như kim sắc quảng thuyết Tứ-đế cập thập nhị Nhân duyên, phàm bách ức kệ.

Đều như sắc ánh vàng, nói rộng khắp 4 Thánh đế cùng 12 Nhân duyên, tất cả trăm triệu câu kệ.

初會聞法四山諸仙，皆得無生法忍。

Sơ Hội văn Pháp tứ sơn chư Tiên, giai đắc Vô-sinh Pháp-nhẫn.

Các Tiên của 4 núi nghe Pháp Hội đầu tiên, đều được Vô-sinh Pháp-nhẫn.

百千人發無上道心出家學道，無數四部得須陀洹道。

Bách thiên nhân phát Vô-thượng đạo tâm xuất gia học đạo, vô số tứ bộ đắc Tu-đà-hoàn đạo.

Trăm nghìn người phát tâm Đạo Bình đẳng xuất gia học Đạo, vô số 4 Bộ chúng được Đạo quả Tu-đà-hoàn.

有發菩提心數不可知，佛壽二十五萬劫。

Hữu phát Bồ-đề tâm số bất khả tri. Phật thọ nhị thập ngũ vạn Kiếp.

Có phát tâm Bồ-đề số lượng không thể biết được. Phật thọ 25 vạn Kiếp.

正法住世二百萬劫，像法住世四百萬劫。

Chính-pháp trụ thế nhị bách vạn Kiếp, Tượng-pháp trụ thế tứ bách vạn Kiếp.

Chính-pháp ở đời 200 vạn Kiếp, Tượng-pháp ở đời 400 vạn Kiếp.

彼佛世尊，法欲滅時，有諸比丘遊行教化。

Bỉ Phật Thế Tôn, Pháp dục diệt thời, hữu chư Tỳ-kheo du hành giáo hóa.

Phật Thế Tôn đó lúc Pháp sắp diệt mất, có các Tỳ kheo du hành giáo hóa.

時有一國，名曰電光，有一長者名牢度跋提，修行外道。

Thời hữu nhất quốc, danh viết Điện-quang, hữu nhất Trưởng-giả danh Lao-độ Bạt-đề, tu hành ngoại đạo.

Thời đó có một Nước tên là Điện Quang, có một Trưởng giả tên là Lao-độ Bạt-đề, tu hành ngoại đạo.

事梵天法電光大王遣千童子，供給彼人灑掃天廟。

Sự Phạm-thiên Pháp, Điện Quang Đại Vương khiển thiên Đồng-tử, cung cấp bỉ nhân sai tảo Thiên miếu.

Việc Pháp của Phạm-thiên Điện Quang Đại Vương sai khiến 1 nghìn Thiếu niên, cung cấp phục vụ người đó, quét rửa Miếu Trời.

時千童子，各持天華欲往天寺，於其中路見諸比丘持佛像行，童子問言：

Thời thiên Đồng-tử các trì Thiên hoa dục vãng Thiên-tự, ư kỳ trung lộ kiến chư Tỳ-kheo trì Phật tượng hành, Đồng-tử vấn ngôn :

Khi đó 1 nghìn Thiếu niên họ cầm hoa cõi Trời muốn vãng tới Chùa cõi Trời, ở giữa đường đi gặp các Tỳ kheo mang Tượng Phật cùng đi, Thiếu niên hỏi rằng :

此是何神，端正威光巍巍乃爾？諸比丘言：此大善寂像。

Thử thị hà Thần đoan chính uy quang, nguy nguy nãi nhĩ ? Chư Tỳ-kheo ngôn : Thử Đại Thiện Tịch tượng.

Đây là Thần nào, đoan chính uy quang đoàng hoàng như thế ? Các Tỳ kheo nói rằng : Đây là Tượng của Đại Thiện Tịch.

童子問言：大善寂者！生何種姓？有何等義？比丘答言：

Đồng-tử vấn ngôn : Đại Thiện Tịch giả ! Sinh hà chủng tính ? Hữu hà đẳng nghĩa ? Tỳ-kheo đáp ngôn :

Thiếu niên hỏi rằng : Đại Thiện Tịch! Sinh họ tộc nào ? Có nghĩa ra sao ? Tỳ kheo trả lời nói rằng :

汝不知乎？過去久遠須闍提王棄國出家，成無上道，號大善寂。

Nhữ bất tri hô ? Quá-khứ cửu viễn Tu-xà-đề Vương khí quốc xuất gia, thành Vô-thượng đạo, hiệu Đại Thiện Tịch.

Ngài không biết sao ? Quá khứ xa xưa Tu-xà-đề Vương bỏ Nước xuất gia, thành Đạo Bình đẳng tên hiệu là Đại Thiện Tịch.

於淨光林入般涅槃，我等今者是其弟子，今我所持是善寂像。

Ư Tịnh-quang lâm nhập ban Niết-bàn, ngã đẳng kim giả thị kỳ Đệ-tử, kim ngã sở trì thị Thiện Tịch tượng.

Ở rừng Tịnh quang nhập vào Niết-bàn, chúng tôi nay là Đệ Tử của Ngài, hôm nay tôi có đem theo là Tượng của Đại Thiên Tịnh.

時千童子聞佛因緣，各持蓮華以供養像，頂禮像足。

Thời thiên Đồng-tử văn Phật nhân duyên, các trì Liên hoa dĩ cúng dường Tượng, đỉnh lễ Tượng túc.

Khi đó 1 nghìn Thiếu niên nghe Phật nhân duyên, họ cầm hoa sen dùng để cúng dường Tượng phục đỉnh lễ Tượng Phật đầy đủ.

跋陀波羅！汝今當知！以是供養佛像因緣，時諸童子隨壽長短。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Dĩ thị cúng dường Phật-tượng nhân duyên, thời chư Đồng-tử tùy thọ trường đoản.

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Do cúng dường Tượng Phật nhân duyên đó, thời đó các Thiếu niên thuận theo thọ mệnh dài ngắn.

各自命終，命終之後，即得值遇六十億那由他諸佛。

Các tự mệnh chung, mệnh chung chi hậu, tức đắc trực ngộ lục thập ức Na-do-tha chư Phật.

Họ tự bỏ mệnh, sau khi bỏ mệnh, tức thời được trực tiếp gặp 60 triệu Na-do-tha các Phật.

親觀供養，於無上道得不退轉。跋陀波羅！

Thân cận cúng dường, ư Vô-thượng đạo đắc Bất-thoái-chuyển. Bạt-đà Ba-la !

Thân cận cúng dường, với Đạo Bình đẳng được Không thoái lui. Bạt-đà Ba-la !

汝今當知！彼佛世中四山仙人數不可知者，今十方面各得成佛。

Nhữ kim đương tri ! Bỉ Phật thế trung tứ sơn Tiên nhân số bất khả tri giả, kim thập phương diện các đắc thành Phật.

Ngài nay cần biết ! Trong thời Phật đó người Tiên của 4 núi số lượng không thể biết được, hiện nay họ được thành Phật ở 10 phương thế giới.

時千童子華供養者，豈異人乎？我等賢劫千佛是也。

Thời thiên Đồng-tử hoa cúng dường giả, khởi dị nhân hô ? Ngã đẳng Hiền Kiếp thiên Phật thị dã.

Thời đó 1 nghìn Thiếu niên mang hoa cúng dường, họ là ai vậy ? Chính là Chúng ta 1 nghìn Phật Kiếp Hiền.

跋陀波羅！汝今當知！佛滅度後，若諸四眾。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Phật diệt độ hậu, nhược chư Tứ Chúng.

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Sau khi Phật tạ thế, nếu có 4 Chúng Đệ Tử.

若持一華供養佛像得二種福。何等為二？

Nhược trì nhất hoa cúng dường Phật tượng đắc nhị chủng phúc. Hà đẳng vi nhị ?

Nếu mang một bông hoa cúng dường Tượng Phật được hai loại Phúc. Thế nào là hai ?

一常得化生，二者形色端正。

Nhất giả thường đắc hóa sinh, nhị giả hình sắc đoan chính.

Một là thường được hóa sinh, hai là hình sắc đoan chính.

復得二果：一者恒得值遇諸佛，二者多生天上。

Phục đắc nhị quả : Nhất giả hằng đắc trực ngộ chư Phật, nhị giả đa sinh Thiên thượng.

Lại được hai quả báo : Một là thường được trực tiếp gặp các Phật, hai là đa phần sinh lên cõi Trời.

時諸比丘聞佛所說，皆大歡喜。佛告跋陀波羅：

Thời chư Tỳ-kheo văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ. Phật cáo Bạt-đà Ba-la :

Thời đó các Tỳ kheo được nghe Phật nói, đều rất vui mừng. Phật bảo Bạt-đà Ba-la :

汝今當知！我念過去無量無數千萬億劫，彼時有佛。

Nhữ kim đương tri ! Ngã niệm Quá-khứ vô lượng vô số thiên vạn ức Kiếp, bỉ thời hữu Phật.

Ngài nay cần biết ! Ta nhớ lại thời Quá khứ vô lượng vô số nghìn vạn triệu Kiếp, thời đó có Phật.

號寶蓋照空如來應供，十號具足。

Hiệu Bảo Cái Chiếu Không Như Lai Ứng-cúng, Thập-hiệu cụ túc.

Tên hiệu Bảo Cái Chiếu Không Như Lai Ứng-cúng đầy đủ 10 Danh hiệu.

彼佛出時，此三千大千世界如金剛佛剎等無有異。

Bỉ Phật xuất thời, thử Tam-thiên Đại-thiên thế giới như Kim Cương Phật sát đẳng vô hữu

dị.

Lúc Phật đó ra đời, Ba-ngìn Đại-thiên thế giới giống nhau, như Đất nước của Kim Cương Phật không có khác.

寶蓋照空如來亦以三乘教化眾生。佛滅度後，於像法中有一長者，

Bảo Cái Chiếu Không Như Lai diệp dĩ Tam-thừa giáo hóa chúng sinh. Phật diệt độ hậu, u Tượng-pháp trung hữu nhất Trưởng-giả.

Bảo Cái Chiếu Không Như Lai cũng dùng Pháp Ba Bậc giáo hóa chúng sinh. Sau khi Phật tạ thế, ở trong Tượng-pháp có một Trưởng giả.

名曰月集，遊行聚落教化眾生，以偈讚歎寶蓋照空如來名號：

Danh viết Nguyệt-tập du hành tụ lạc giáo hóa chúng sinh, dĩ kệ tán thán Bảo Cái Chiếu Không Như Lai danh hiệu：

Tên là Nguyệt-tập du hành qua các làng xóm giáo hóa chúng sinh, dùng bài kệ ca ngợi tên hiệu của Bảo Cái Chiếu Không Như Lai là：

寶蓋照空正遍知 無上調御天人師

Bảo Cái Chiếu Không Chính-biến-Tri. Vô-thượng Điều-ngự Thiên Nhân Sư.

Bảo Cái Chiếu Không Chính-biến-Tri. Bình đẳng Điều ngự, Thầy Trời Người.

久離生死釋師子 無染清淨應真慧

Cửu ly sinh tử Thích Sư Tử. Vô nhiễm thanh tịnh ứng chân Tuệ.

Thầy Thích từ lâu rời sinh chết. Thanh tịnh không nhiễm Tuệ chân thực.

能為世間良福田 普濟一切如醫王

Năng vị thế gian lương phúc điền. Phổ tế nhất thiết như Y-vương.

Năng vì thế gian nhiều Phúc Đức. Cứu giúp tất cả như Y Vương.

聞名必得大解脫 我今頂禮無上勝

Văn danh tất đắc Đại Giải-thoát. Ngã kim đỉnh lễ Vô-thượng thắng.

Nghe tên chắc được Đại Giải-thoát. Con nay phục lễ được Bình-đẳng.

時彼長者說此偈已，以種種華香，供養寶蓋照空佛像。

Thời bị Trưởng-giả thuyết thử kệ dĩ, dĩ chủng chủng hoa hương, cúng dường Bảo Cái Chiếu Không Phật tượng.

Khi Trưởng giả đó nói xong bài kệ này, đem đủ loại hương hoa cúng dường Tượng của Bảo Cái Chiếu Không Phật.

華供養已，有千比丘來入講堂，見大長者華香供養，誦讚佛偈。

Hoa cúng dường dĩ, hữu thiên Tỳ-kheo lai nhập giảng đường, kiến Đại Trưởng-giả hoa hương cúng dường, tụng tán Phật kệ.

Cúng dường hương hoa xong, có 1 nghìn Tỳ kheo tới vào trong giảng đường, gặp Đại

Trưởng-giả hương hoa cúng dường, đọc bài kệ ca ngợi Phật.

第一比丘名曰日藏，問長者言：

Đệ nhất Tỳ-kheo danh viết Nhật-tạng, vấn Trưởng-giả ngôn：

Tỳ kheo thứ nhất tên là Nhật-tạng hỏi Trưởng giả nói rằng：

汝今日日香華供養，讚歎佛名，欲求何等？

Nhữ kim nhật nhật hương hoa cúng dường, tán thán Phật danh, dục cầu hà đẳng？

Ngài nay hàng ngày cúng dường hương hoa, ca ngợi tên Phật, muốn cầu việc gì？

長者白言：大德比丘！應一心！今我供養，欲求無上平等大道。

Trưởng-giả bạch ngôn：Đại Đức Tỳ-kheo！Ứng nhất tâm thính！Kim ngã cúng dường, dục cầu Vô-thượng bình đẳng Đại-đạo.

Trưởng-giả bạch rằng：Đại Đức Tỳ kheo！Cần nhất tâm nghe！Tôi nay cúng dường muốn cầu Đạo lớn ngang bằng như nhau Bình đẳng.

比丘問言：云何名為無上大道？長者答言：

Tỳ-kheo vấn ngôn：Vân hà danh vi Vô-thượng Đại-đạo？Trưởng-giả đáp ngôn：

Tỳ kheo hỏi rằng：Thế nào tên là Đạo lớn Bình đẳng？Trưởng-giả trả lời rằng：

無著無所依 無累心寂滅

Vô trước vô sở y. Vô luy tâm tịch diệt.

Không nhờ không dựa theo. Vắng lặng Tâm không phiền.

本性如虛空 是名無上道

Bản tính như hư không. Thị danh Vô-thượng đạo.
 Bản tính như khoảng không. Tên là Đạo Bình đẳng.
 大人心所行 慈悲為最勝
 Đại nhân tâm sở hành. Từ Bi vi tối thắng.
 Tâm Đại nhân có hành. Từ Bi là cao nhất.
 三十七減意 覺道力莊嚴
 Tam thập thất diệt Ý. Giác đạo lực trang nghiêm.
 Ba mươi bảy ý mất. Lực Đạo Giác trang nghiêm
 乘於六度船 永度生死流
 Thừa ư Lục-độ thuyền. Vĩnh độ sinh tử lưu.
 Ngồi trên thuyền Sáu Bậc. Vĩnh thoát dòng sinh chết.
 彼處心無著 故名無上道
 Bị xử tâm vô trước. Cổ danh Vô-thượng đạo.
 Nơi đó tâm không nhờ. Được tên Đạo Bình đẳng.
 佛慧如須彌 亦若蓮華敷
 Phật Tuệ như Tu-di. Diệc nhược Liên hoa phu.
 Tuệ Phật như Tu-di. Cũng như hoa Sen nở.
 久達解性空 故名無上道
 Cửu đạt giải Tính không. Cổ danh Vô-thượng đạo.
 Hiểu rõ tính rỗng không. Được tên Đạo Bình đẳng.
 調御知心如 實際性亦然
 Điều ngự tri tâm như. Thực tế Tính diệc nhiên.
 Dùng nói biết tâm rỗng. Thực tế Tính cũng thế.
 三界一切有 皆入如寂中
 Tam-giới nhất thiết hữu. Giai nhập như tịch trung.
 Mọi Có của Ba cõi. Đều vào trong rỗng lặng.
 不調無生相 同入法界性
 Bất điều vô sinh tướng. Đồng nhập Pháp-giới tính.
 Không nói Tướng không sinh. Cùng vào Tính Pháp giới.
 如此無所有 故稱無上道
 Như thử vô sở hữu. Cổ xưng Vô-thượng đạo.
 Như thế không được Có. Được tên Đạo Bình đẳng.
 是時長者說此偈已，白比丘言：唯願大德行無上道。
 Thị thời Trưởng-giả thuyết thử kệ dĩ , bạch Tỳ-kheo ngôn : Duy nguyện Đại Đức, hành Vô-thượng đạo.
 Khi đó Trưởng-giả nói xong bài kệ này, bạch Tỳ kheo nói rằng : Mong muốn Đại Đức hành Đạo Bình đẳng.
 日藏比丘復說偈言：
 Nhật-tạng Tỳ-kheo phục thuyết kệ ngôn :
 Nhật tạng Tỳ kheo lại nói bài kệ rằng :
 如仁所說義 無行無所依
 Như nhân sở thuyết nghĩa. Vô-hành vô sở y.
 Như Ngài có nói nghĩa. Không làm không dựa đỡ.
 本性相空寂 我當行何法
 Bản Tính Tướng không tịch. Ngã đương hành hà Pháp.
 Bản Tính Tướng rỗng lặng. Tôi cần hành Pháp nào.
 我所問大道 欲知佛覺智
 Ngã sở vấn Đại-đạo. Dục tri Phật Giác Trí.
 Tôi có hỏi Đạo lớn. Muốn biết Trí Phật Giác.
 今說法界相 無知如虛空
 Kim thuyết Pháp giới tướng. Vô tri như hư không.
 Nay nói Tướng Pháp giới. Không biết như khoảng không.

於此無知中 無欲無所求
 Ư thử vô tri trung. Vô dục vô sở cầu.
Ở trong này hiểu không. Không muốn không có cầu.
 如是性相滅 我當何所行
 Như thị Tính Tướng diệt. Ngã đương hà sở hành.
Như thế Tính Tướng mất. Tôi cần làm cái gì.
 是時長者復說偈言：
 Thị thời Trưởng-giả, phục thuyết kệ ngôn：
Khi đó Trưởng giả lại nói bài kệ rằng：
 日光住空中 普照於一切
 Nhật quang trụ không trung. Phổ chiếu ư nhất thiết.
Ánh dương ở trong không. Chiếu soi khắp tất cả.
 彼亦無心相 欲破諸闇暝
 Bì diệt vô tâm tướng. Dục phá chư ám minh.
Nó cũng không Tâm Tướng. Muốn phá các tối đen.
 光明力照耀 超過諸黑闇
 Quang-minh lực chiếu diệu. Siêu quá chư hắc ám.
Lực quang sáng chiếu rọi. Vượt hơn các tối đen.
 黑闇與光明 二俱無心意
 Hắc ám dữ Quang-minh. Nhị câu vô tâm ý.
Tối đen và Quang sáng. Hai cùng không Tâm Ý.
 本性無住闇 闇性不暫停
 Bản-tính vô trụ ám. Ám tính bất tạm đình.
Bản Tính không ở tối. Tính tối không tạm dừng.
 佛慧亦如是 無滅無所生
 Phật tuệ diệt như thị. Vô diệt vô sở sinh.
Tuệ Phật cũng như thế. Không mất không có sinh.
 智力道莊嚴 從於五眼起
 Trí lực đạo trang nghiêm. Tòng ư Ngũ-nhãn khởi.
Lực Trí Đạo trang nghiêm. Phát khởi từ 5 Trí.
 六通如蓮華 不染著世間
 Lục-thông như Liên hoa. Bất nhiễm trước thế gian.
Sáu Phép như hoa sen. Không nhiễm nhờ thế gian.
 戒定慧莊嚴 超度世間相
 Giới-Định-Tuệ trang nghiêm. Siêu độ thế gian tướng.
Giới-Định-Tuệ trang nghiêm. Vượt hơn cảnh thế gian.
 是故應歸依 無上平等道
 Thị cố ưng quy y. Vô-thượng bình đẳng đạo.
Vì thế thuận đi theo. Đạo ngang bằng Bình đẳng.
 是時長者說此偈已，白比丘言：
 Thị thời Trưởng-giả thuyết thử kệ dĩ, bạch Tỳ-kheo ngôn：
Khi Trưởng giả nói xong bài kệ này, bạch Tỳ kheo nói rằng：
 大德！汝今欲求無上道不？日藏比丘聞長者言。
 Đại Đức！Nhữ kim dục cầu Vô-thượng đạo phủ？Nhật-tạng Tỳ-kheo văn Trưởng-giả ngôn.
**Đại Đức！Ngài nay muốn cầu Đạo Bình đẳng phải không？Nhật tạng Tỳ kheo nghe Trưởng
giả nói.**
 深解義趣頂禮佛足，而說偈言：
 Thâm giải nghĩa thú đỉnh lễ Phật túc nhi thuyết kệ ngôn：
Hiểu thâm sâu ý nghĩa đỉnh lễ Phật xong mà nói bài kệ rằng：
 頂禮佛足大解脫 久住涅槃滅諸有
 Đỉnh lễ Phật túc Đại Giải-thoát. Cửu trụ Niết-bàn diệt chư hữu.
Đỉnh lễ Phật đủ Đại Giải-thoát. Ở Niết bàn lâu diệt các Có.

無漏智力所莊嚴 如長者說寂滅慧
 Vô-lậu Trí lực sở trang nghiêm. Như Trưởng-giả thuyết tịch diệt Tuệ.
 Lực Trí Vô-lậu được trang nghiêm. Như Trưởng giả nói Tuệ vắng lặng.
 我今欲求無染累 超過世間諸空相
 Ngã kim dục cầu vô nhiễm luy. Siêu quá thế gian chư không tướng.
 Con nay muốn cầu không nhiễm mệt. Các Tướng rỗng vượt qua thế gian.
 我今求於寂滅道 不縛不解不住色
 Ngã kim cầu ư tịch diệt đạo. Bất phược bất giải bất trụ sắc.
 Con nay cầu được Đạo vắng lặng. Không buộc không tháo Sắc không ở.
 亦復不入縛解中 無有生死解脫相
 Diệc phục bất nhập phược giải trung. Vô hữu sinh tử giải thoát tướng.
 Cũng lại không vào trong tháo buộc. Không có sinh chết cảnh Giải thoát.
 此處名為甘露道 如我所願得成果
 Thử xứ danh vi Cam-lộ đạo. Như ngã sở nguyện đắc thành quả.
 Nơi này tên là Đạo Cam lộ. Như con có nguyện được thành quả.
 修行六度無礙累 必定得住首楞嚴
 Tu hành Lục-độ vô ngại luy. Tất định đắc trụ Thủ-lăng-nghiêm.
 Tu hành Sáu Bậc không ngại mệt. Nhất định ở trong Thủ-lăng-nghiêm.
 具佛職位威儀行 滿足佛智如先佛
 Cụ Phật Chức-vị uy nghi hành. Mãn túc Phật Trí như tiên Phật.
 Đủ Chức vị Phật hành uy nghi. Đầy đủ Trí Phật như Phật Tổ.
 金剛不壞性空慧 是一切智大人事
 Kim-cương bất hoại tính không tuệ. Thị nhất thiết Trí Đại nhân sự.
 Kim-cương không hoại Tính Tuệ rỗng. Việc của Đại nhân là các Trí.
 摩尼寶珠如意王 我亦當得一合相
 Ma-ni bảo châu như ý Vương. Ngã diệc đương đắc nhất hợp tướng.
 Châu báu Như ý là đứng đầu. Con cũng cần được một cảnh hợp.
 平等度意無上性
 Bình đẳng độ ý Vô-thượng tính.
 Ý độ bằng nhau Tính Bình đẳng.
 是時比丘說此偈已，告長者言：汝今當知！
 Thị thời Tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ cáo Trưởng-giả ngôn : Nhữ kim đương tri !
 Khi đó Tỳ kheo nói xong bài kệ này, nói với Trưởng giả rằng : Ngài nay cần biết !
 我已解汝所說偈義，我已堪任為菩提器。
 Ngã dĩ giải Nhữ sở thuyết kệ nghĩa, Ngã dĩ kham nhậm vi Bồ-đề khí.
 Con đã hiểu được nghĩa bài kệ do Ngài nói, con đã kham nhận được độ lượng của Bồ-đề.
 我等千比丘，從今日乃至成佛。
 Ngã đẳng thiên Tỳ-kheo, tòng kim nhật nãi chí thành Phật.
 Chúng con 1 nghìn Tỳ kheo, từ nay thậm chí tới lúc thành Phật.
 常修大慈普愛一切，於諸眾生不生毀訾，何況殺害。
 Thường tu Đại Từ phổ ái nhất thiết, ư chư chúng sinh bất sinh hủy tí, hà huống sát hại.
 Thường tu hành Đại Từ thân ái rộng khắp tất cả, với các chúng sinh không mắng mỏ, huống
 chi sát hại.
 我從今日乃至菩提，常起大悲普攝一切。
 Ngã tòng kim nhật nãi chí Bồ-đề, thường khởi Đại Bi phổ nhiếp nhất thiết.
 Con từ nay thậm chí tới lúc thành Bồ-đề, thường phát khởi Đại Bi thu giữ khắp tất cả.
 而於大悲不起悲相，不生戀著。
 Nhi ư Đại Bi bất khởi Bi tướng, bất sinh luyến trước.
 Mà với Đại Bi không phát khởi cảnh bi thương, không sinh luyến tiếc nương nhờ.
 我從今日乃至成佛，見他得樂心生欣悅。
 Ngã tòng kim nhật nãi chí thành Phật, kiến tha đắc lạc tâm sinh hân duyệt.
 Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, nhìn thấy họ được vui tâm sinh vui thích.

猶如比丘得三禪樂，不起樂觸，及樂覺相。

Do như Tỳ-kheo đắc tam Thiên lạc, bất khởi lạc xúc cập lạc giác tướng.

Giống như Tỳ kheo được vui Thiên Lạc 3, không phát khởi cảm xúc vui và cảnh cảm giác vui.

我從今日乃至成佛，不見眾生，及眾生相，亦不住喜、不入捨中。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, bất kiến chúng sinh cập chúng sinh tướng, diệc bất trụ hỷ, bất nhập xả trung.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, không nhìn thấy chúng sinh và hình tướng của chúng sinh, cũng không ở lại trong vui vẻ, không nhập vào trong buông bỏ.

我從今日乃至成佛，終不造作九十五種諸惡律儀。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, chung bất tạo tác cửu thập ngũ chủng chư ác luật nghi.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, cuối cùng không tạo tác 95 loại luật nghi ác.

我從今日乃至成佛，終不為己畜養八種不淨之物。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, chung bất vị kỷ súc dưỡng bát chủng bất tịnh chi vật.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, cuối cùng không vì bản thân nuôi dưỡng 8 loại súc vật không thanh tịnh.

若有畜積，必為饒益諸眾生故。

Nhược hữu súc tích, tất vị nhiều ích chư chúng sinh cố.

Nếu có nuôi dưỡng tích chứa, nhất định là vì cố lợi ích các chúng sinh.

我從今日乃至成佛，終不毀謗菩薩法藏。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, chung bất hủy báng Bồ-tát Pháp tạng.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, cuối cùng không hủy báng Pháp tạng Bồ-tát.

若有辯才智慧無極，說邪見論滿百千歲。

Nhược hữu biện tài Trí tuệ vô cực, thuyết tà-kiến luận mãn bách thiên tuế.

Nếu được Trí tuệ hùng biện không có hạn cực, nói luận thuyết sai trái đủ trăm nghìn năm.

我寧碎身猶如微塵，終不信受。

Ngã ninh toái thân do như vi trần, chung bất tín thụ.

Con chắc chắn thân tan vỡ giống như bụi trần, cuối cùng không có Tin nhận.

我從今日乃至成佛，設有眾生不造善業作五逆罪，必當教化令得饒益。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, thiết hữu chúng sinh bất tạo thiện nghiệp tác Ngũ-nghịch tội, tất đương giáo hóa linh đắc nhiều ích.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, nếu có chúng sinh không làm Nghiệp thiện tạo

Nghiệp 5 tội nghịch Đạo, nhất định cần giáo hóa giúp được nhiều lợi ích.

我從今日乃至成佛，誓願當度五濁惡世沒苦眾生。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, thệ nguyện đương độ Ngũ-trược ác thế một khổ chúng sinh.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, thệ nguyện cần cứu độ chúng sinh khổ chìm nổi trong đời 5 Trược ác.

我從今日乃至成佛，常當修行諸波羅蜜，盡其邊際到大智岸。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, thường đương tu hành chư Ba-la-mật, tận kỳ biên tế đáo đại Trí ngạn.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, thường cần tu hành các Ba-la-mật, tận cùng giới hạn của họ tới được Đại Trí tuệ Niết-bàn.

我從今日乃至成佛，終不放捨一切眾生，必當安慰以義饒益。

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, chung bất phóng xả nhất thiết chúng sinh, tất đương an úy dĩ nghĩa nhiều ích.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, cuối cùng không tự tiện buông bỏ tất cả chúng sinh, nhất định cần an ủi mang lại nhiều ý nghĩa lợi ích.

我從今日乃至成佛，願普莊嚴一切佛事，修諸淨行，

Ngã tông kim nhật nãi chí thành Phật, nguyện phổ trang nghiêm nhất thiết Phật sự, tu chư tịnh hạnh.

Con từ nay thậm chí tới lúc thành Phật, nguyện vì tất cả việc Phật trang nghiêm khắp nơi, tu các Hạnh thanh tịnh.

十種珍寶以為脚足，無願解脫以為眼目，遊於大空畢竟涅槃。

Thập chủng trần bảo dĩ vi cước túc, Vô-nguyện Giải-thoát dĩ vi nhãn mục, du u đại không tất cánh Niết-bàn.

10 loại châu báu dùng làm bàn chân, Không nguyện Giải-thoát dùng làm đôi mắt, du hành trong rỗng không lớn, Niết-bàn cuối cùng.

時千比丘發此誓已，五體投地遍禮諸佛，而說偈言：

Thời thiên Tỳ-kheo phát thử thệ dĩ, ngũ thể đầu địa biến lễ chư Phật nhi thuyết kệ ngôn :

Thời đó 1 nghìn Tỳ kheo phát xong thệ nguyện này, phục đất đảnh lễ biến tới các Phật mà nói bài kệ rằng :

佛智不可動 從於解脫生

Phật trí bất khả động. Tòng ư Giải-thoát sinh.

Trí Phật không thể động. Sinh ra từ Giải thoát.

本性相自空 遊戲金剛心

Bản Tính Tướng tự không. Du hí Kim-cương tâm.

Bản Tính Tướng tự rỗng. Tâm Kim-cương du chơi.

已摧煩惱魔 陰蓋永已除

Dĩ tòi phiền não ma. Uẩn-cái vĩnh dĩ trừ.

Dùng diệt Ma phiền não. Uẩn tói vĩnh đã mất.

清淨大慧者， 我今頭面禮。

Thanh tịnh Đại Tuệ giả. Ngã kim đầu diện lễ.

Người Tuệ lớn thanh tịnh. Con nay phục đảnh lễ.

說此偈已，遍禮十方一切諸佛。是時空中無雲而雷。

Thuyết thử kệ dĩ, biến lễ thập phương nhất thiết chư Phật. Thị thời không trung vô vân nhi lôi.

Nói xong bài kệ này, biến ra lễ tất cả các Phật mười phương. Khi đó ở trong không trung không có mây mà có sấm rền.

諸天龍神普雨天華，以為供養而說偈言：

Chư Thiên Long Thần phổ vũ thiên hoa, dĩ vị cúng dường nhi thuyết kệ ngôn :

Các Trời Rồng Thần rắc hoa Trời khắp nơi, dùng làm cúng dường mà nói bài kệ rằng :

善哉勝大士 出家修梵行

Thiện tai thắng Đại-sĩ. Xuất gia tu Phạm-hạnh.

Thiện thay có Đại sĩ. Xuất gia tu Phạm-hạnh.

淨命乞自活 常離四種食

Tịnh mệnh khát tự hoạt. Thường ly tứ chủng thực.

Mệnh tịnh tự xin ăn. Thường rời 4 loại ăn.

染衣執應器 大數滿一千

Nhiễm y chấp ưng khí. Đại số mãn nhất thiên.

Áo Pháp cầm Pháp cụ. Số lớn đủ 1 nghìn.

今復發最上 微妙菩提心

Kim phục phát tối thượng. Vi diệu Bồ-đề tâm.

Nay lại phát tối cao. Tâm Bồ-đề vi diệu.

福田中最勝 無過比丘僧

Phúc điền trung tối thắng. Vô quá Tỳ-kheo Tăng.

Cao nhất trong Phúc Đức. Tỳ kheo Tăng không hơn.

我今頭面禮 修行大乘者

Ngã kim đầu diện lễ. Tu hành Đại-thừa giả.

Con nay phục đảnh lễ. Người tu hành Bậc Phật.

時千比丘，聞偈歎德倍加精進，即得甚深觀佛三昧，告長者言：

Thời thiên Tỳ-kheo văn kệ tán Đức bội gia Tinh-tiến, tức đắc thậm thâm quan Phật Tam-muội, cáo Trưởng-giả ngôn :

Khi đó 1 nghìn Tỳ kheo nghe bài kệ ca ngợi công Đức tăng thêm bội phần tinh tiến, tức thời được thâm sâu Quan sát Phật Tam-muội, nói với Trưởng giả rằng :

善哉！長者！我因汝故發菩提心，汝亦應於佛法海中出家學道。

Thiện tai ! Trưởng-giả ! Ngã nhân Nhữ cố phát Bồ-đề tâm, Nhữ diệc ưng ư Phật Pháp hải trung xuất gia học đạo.

Thiện thay ! Trưởng giả ! Con do nhân có Ngài phát tâm Bồ-đề, Ngài cũng cần ở trong biển Pháp của Phật xuất gia học Đạo.

爾時長者受比丘教，於正法中出家學道，

Nhĩ thời Trưởng-giả thụ Tỳ-kheo giáo, ư Chính-pháp trung xuất gia học đạo.

Khi đó Trưởng giả nhận lời giáo huấn của Tỳ kheo, ở trong Chính Pháp xuất gia học Đạo.

常修頭陀備諸苦行，經七七日得無生忍。

Thường tu Đầu-đà bị chư khổ hành, kinh thất thất nhật, đắc Vô-sinh nhẫn.

Thường tu khổ hành Đầu đà, qua 49 ngày được Vô-sinh nhẫn.

跋陀波羅！汝今當知！時大長者教化多人發菩提心者。

Bạt-đà Ba-la ! Nhữ kim đương tri ! Thời Đại Trưởng-giả giáo hóa đa nhân phát Bồ-đề tâm giả，

Bạt-đà Ba-la ! Ngài nay cần biết ! Khi đó Đại Trưởng giả giáo hóa nhiều người phát tâm Bồ-đề.

久已成佛，殊勝月王佛是也。

Cửu dĩ thành Phật, Thù Thắng Nguyệt Vương Phật thị dã.

Đã thành Phật từ lâu, cũng chính là Thù Thắng Nguyệt Vương Phật.

若有善男子、善女人，聞是佛名，恒得值佛，

Nhược hữu Thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Phật danh hằng đắc trực Phật.

Nếu có thiện nam tín nữ, nghe tên hiệu Phật đó, thường được gặp trực tiếp Phật.

於菩提心得不退轉，即得超越十二億劫極重惡業。

Ư Bồ-đề tâm đắc Bất-thoái-chuyển, tức đắc siêu việt thập nhị ức Kiếp cực trọng ác nghiệp.

Với tâm Bồ-đề được Không lùi chuyển, tức thời được siêu thoát Nghiệp tội nặng nhất của 12 triệu Kiếp.

時千比丘發誓願者，我等賢劫千佛是也。

Thời thiên Tỳ-kheo phát thệ nguyện giả, Ngã đẳng Hiền Kiếp thiên Phật thị dã.

Thời đó 1 nghìn Tỳ kheo phát thệ nguyện, chính là Chúng Ta nghìn Phật Kiếp Hiền.

說是語時，百千梵王發菩提心思佛，千優婆塞等得無生法忍。

Thuyết thị ngữ thời bách thiên Phạm-vương phát Bồ-đề tâm tư Phật, thiên Ưu-bà-tắc đẳng đắc Vô-sinh Pháp-nhẫn.

Lúc nói lời đó, trăm nghìn Phạm Vương tư duy Phật phát tâm Bồ-đề, 1 nghìn Nam Phật Tử được Vô-sinh Pháp-nhẫn.

鬱多羅母善賢比丘尼等五百比丘尼，不受諸漏心得解脫成阿羅漢。

Uất-đa-la mẫu Thiện-hiền Tỳ-kheo-ni đẳng ngũ bách Tỳ-kheo-ni, bất thụ chư lậu tâm đắc Giải-thoát thành A-la-hán.

Mẹ của Uất-đa-la Thiện-hiền nữ Tỳ kheo cùng 500 nữ Tỳ kheo, không thụ nhận các phiền não được Giải thoát thành A-la-hán.

說是語時，時會大眾聞佛所說，皆大歡喜。

Thuyết thị ngữ thời, thời hội Đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỉ.

Lúc nói lời đó, Đại chúng nhân dịp Hội được nghe Phật nói, đều rất vui mừng.

佛告跋陀波羅：汝今當知！我念過去無量、無數阿僧祇劫。

Phật cáo Bạt-đà Ba-la : Nhữ kim đương tri ! Ngã niệm Quá-khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

Phật bảo Bạt-đà Ba-la : Ngài nay cần biết ! Ta nhớ thời Quá khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

彼時有佛，號淨音如來，十號具足。

Bỉ thời hữu Phật, hiệu Tịnh Âm Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Thời đó có Phật, danh hiệu Tịnh Âm Như Lai, đầy đủ 10 Danh hiệu.

彼佛出時，此三千世界七寶莊嚴。

Bỉ Phật xuất thời, thử Tam-thiên thế giới thất bảo trang nghiêm.

Lúc Phật đó ra đời, Ba-nhàn thế giới này bằng bảy báu trang nghiêm.

如寶莊嚴國等無有異，佛壽二十大劫。

Như Bảo Trang Nghiêm quốc đẳng vô hữu dị, Phật thọ nhị thập Đại-kiếp.

Như Nước Bảo Trang Nghiêm không khác, Phật thọ mệnh 20 Đại Kiếp.

正法住世四十劫，像法倍壽八十劫，亦以三乘教化眾生。

Chính-pháp trụ thế tứ thập Kiếp, Tượng-pháp bội thọ bát thập Kiếp, diệc dĩ Tam-thừa giáo hóa chúng sinh.

Chính-pháp ở đời 40 Kiếp, Tượng-pháp thọ gấp đôi 80 Kiếp, cũng dùng Pháp Ba Bậc giáo hóa chúng sinh.

於像法中有一比丘，名一切忍。

Ư Tượng-pháp trung hữu nhất Tỳ-kheo, danh Nhất-thiết-nhẫn.

Ở trong Tượng Pháp có một Tỳ kheo tên là Nhất-thiết-nhẫn.

持菩薩藏行菩薩法，遊巡村落，常說此偈：

Trì Bồ-tát tạng hành Bồ-tát Pháp, du tuần thôn lạc thường thuyết thử kệ：

Giữ Bồ-tát tạng hành Pháp Bồ-tát, tuần hành thôn ấp thường nói bài kệ này：

佛住平等空 法性相亦然

Phật trụ bình đẳng không. Pháp tính tướng diệc nhiên.

Phật ở ngang bằng rỗng. Tính Tướng Pháp cũng thế.

僧依無為會 三寶義無異

Tăng y Vô-vi hội. Tam-bảo nghĩa vô dị.

Tăng dựa hội rỗng không. Tam Bảo nghĩa không khác.

了本性相空 歸依處寂滅

Liễu bản tính tướng không. Quy y xứ tịch diệt.

Hiểu bản Tính Tướng rỗng. Về dựa nơi vắng lặng.

常行真如道 乃應菩薩行

Thường hành Chân-như đạo. Nãi ứng Bồ-tát hành.

Thường hành Đạo Rỗng không. Mới hành Đạo Bồ-tát.

忍辱進大比丘，常說此偈。

Nhẫn-nhục-tiến Đại Tỳ-kheo, thường thuyết thử kệ.

Nhẫn-nhục-tiến Đại Tỳ-kheo, thường nói bài kệ này.

時華光林中有千梵志，修四梵、行慈悲喜捨。

Thời Hoa-quang lâm trung hữu thiên Phạm-chí, tu tứ Phạm, hành Từ Bi Hi Xả.

Khi đó trong rừng Hoa-quang có 1 nghìn Phạm Chí, tu 4 Phạm hạnh, hành Từ Bi Hi Xả.

聞此比丘讚三寶義名，身心歡喜，即白比丘：

Văn thử Tỳ-kheo tán Tam-bảo nghĩa danh, thân tâm hoan hỷ, tức bạch Tỳ-kheo：

Nghe Tỳ kheo này khen ngợi tên nghĩa Phật Pháp Tăng, thân tâm vui mừng, liền bạch Tỳ kheo：

於何經中有如此義？比丘白言：大調御師！於大方等真實經中。

Ư hà Kinh trung hữu như thử nghĩa？Tỳ-kheo bạch ngôn：Đại Điều-ngự sư！Ư Đại-phương đẳng-chân-thực Kinh trung.

Ở trong Kinh nào có nghĩa như thế？Tỳ kheo bạch rằng：Đại Điều-ngự sư！Ở trong Kinh Đại Phương-đẳng chân-thực.

說佛、法、僧平等空慧，住一相中。

Thuyết Phật Pháp Tăng bình đẳng không Tuệ, trụ Nhất-tướng trung.

Nói Phật Pháp Tăng ngang bằng như nhau, Tuệ rỗng không, ở lại trong một Tướng rỗng không.

時千梵志 聞佛、法、僧平等空慧，即思甚深大空智義。

Thời thiên Phạm-chí văn Phật Pháp Tăng bình đẳng không Tuệ, tức tư thậm thâm đại không Trí nghĩa.

Khi đó 1 nghìn Phạm Chí nghe Phật Pháp Tăng ngang bằng như nhau, Tuệ rỗng không, tức thời tư duy thâm sâu nghĩa Trí tuệ rỗng không to lớn.

八千歲中端坐正受，於空法中而不決了，復更思惟一切法空。

Bát thiên tuế trung đốn tọa chính thụ, ư không Pháp trung nhi bất quyết liễu, phục cánh tư

duy nhất thiết Pháp không.

Trong 8 nghìn năm ngồi đọa nghiêm thụ nhận đấng, ở trong Pháp rỗng không mà không quyết định rõ được, lại càng tư duy tất cả Pháp rỗng không.

於如實際亦不決了，然不生疑，亦不誹謗，作此思惟。

Ư như thực tế diệt bất quyết liễu, nhiên bất sinh nghi, diệt bất phi báng, tác thử tư duy.

Với như thực tế cũng không quyết định rõ, tuy nhiên không sinh nghi hoặc, cũng không phi báng, làm tư duy này.

時有一比丘名曰智藏，告諸梵志：

Thời hữu nhất Tỳ-kheo danh viết Trí-tạng cáo chư Phạm-chí：

Thời đó có một Tỳ kheo tên là Trí-tạng nói với các Phạm Chí：

汝等知不？過去有佛，名三昧尊豐如來，十號具足。

Nhữ đẳng tri bất？Quá-khứ hữu Phật danh Tam Muội Tôn Phong Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Các Ngài biết không？Thời Quá khứ có Phật tên hiệu là Tam Muội Tôn Phong Như Lai, đầy đủ 10 Danh hiệu.

如是同字百千億佛，皆說甚深般若波羅蜜。

Như thị đồng tự bách thiên ức Phật, giai thuyết thâm thâm Bát-nhã Ba-la-mật.

Như thế cùng tên chữ với trăm nghìn vạn triệu Phật, đều nói thâm sâu môn Trí tuệ tới Niết-bàn.

其經中說：不住諸法，法性皆空。

Kỳ Kinh trung thuyết：Bất trụ chư Pháp, Pháp-tính giai không.

Trong Kinh đó nói：Các Pháp không ở lại, Tính Pháp đều rỗng không.

如是梵志於空法中心不明了，但當一心歸於空義。

Như thị Phạm-chí ư không Pháp trung tâm bất minh liễu, đản đương nhất tâm quy ư không nghĩa.

Như thế Phạm Chí ở trong Pháp rỗng không tâm không sáng tỏ, chỉ đang nhất tâm quay về với nghĩa rỗng không.

時千梵志聞此語已，心大歡喜，白比丘言：

Thời thiên Phạm-chí văn thử ngữ dĩ, tâm đại hoan hỷ, bạch Tỳ-kheo ngôn：

Khi đó 1 nghìn Phạm chí nghe xong lời nói này, tâm rất vui mừng bạch Tỳ kheo rằng：

般若波羅蜜是大空智，我等今者無明所覆。

Bát-nhã Ba-la-mật thị đại không Trí, Ngã đẳng kim giả Vô-minh sở phước.

Trí tuệ tới Niết bàn là Trí tuệ rỗng không lớn, chúng ta ngày nay bị Ngủ tối che phủ.

於空義中無由解了，但於大德所說，法中身心隨喜。

Ư không nghĩa trung vô do giải liễu, đản ư Đại Đức sở thuyết, Pháp trung thân tâm tùy hỷ.

Ở trong nghĩa rỗng không do chưa hiểu rõ Không, chỉ được Đại đức nói ra, ở trong Pháp thân tâm vui theo.

佛告跋陀波羅：彼二比丘善說法者。

Phật cáo Bạt-đà Ba-la：Bỉ nhị Tỳ-kheo thiện thuyết Pháp giả.

Phật bảo Bạt-đà Ba-la：2 Tỳ kheo đó hay nói Pháp.

第一比丘今已成佛於妙樂國，歡喜莊嚴珠王佛是。

Đệ nhất Tỳ-kheo kim dĩ thành Phật ư Diệu-lạc quốc, Hoan Hỷ Trang Nghiêm Châu Vương Phật thị.

Tỳ kheo thứ nhất đã thành Phật ở Nước Diệu-lạc, chính là Hoan Hỷ Trang Nghiêm Châu Vương Phật.

若有四眾聞彼佛名，五體投地，歸依頂禮。

Nhược hữu Tứ Chúng văn bỉ Phật danh ngũ thể đầu địa quy y đảnh lễ.

Nếu có 4 Chúng nghe danh hiệu Phật đó phục đất đảnh lễ đi theo.

即得超越五百萬億阿僧祇劫生死之罪。

Tức đắc siêu việt ngũ bách vạn ức A-tăng-kỳ Kiếp sinh tử chi tội.

Tức thời siêu hết Nghiệp tội của 500 vạn triệu A-tăng-kỳ Kiếp sinh chết.

第二比丘久已成佛，號帝寶幢摩尼勝光如來，十號具足。

Đệ nhị Tỳ-kheo cửu dĩ thành Phật, hiệu Đế Bảo Tràng Ma Ni Thắng Quang Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Tì kheo thứ hai đã thành Phật từ lâu, danh hiệu Đê Bảo Tràng Ma Ni Thắng Quang Như Lai, đây đủ 10 Danh hiệu.

若有四眾聞彼佛名，五體投地歸依頂禮。

Nhược hữu Tứ Chúng văn bi Phật danh, ngũ thể đầu địa, quy y đảnh lễ.

Nếu có 4 Chúng nghe danh hiệu của Phật đó, phục đất đảnh lễ đi theo.

即得超越七百萬億阿僧祇劫生死之罪。

Tức đắc siêu việt thất bách vạn ức A-tăng-kì Kiếp sinh tử chi tội.

Tức thời siêu hết Nghiệp tội của 700 vạn triệu A-tăng-kỳ Kiếp sinh chết.

時千梵志以聞甚深般若波羅蜜，身心歡喜，不生驚疑、怖畏、誹謗。

Thời thiên Phạm-chí dĩ văn thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật, thân tâm hoan hỷ, bất sinh kinh nghi, bổ úy phi báng.

Khi đó 1 nghìn Phạm chí do nghe được thâm sâu môn Trí tuệ tới Niết-bàn, thân tâm vui mừng, không sinh hoảng hốt nghi hoặc sợ hãi phi báng.

即得超越五十億劫生死之罪。

Tức đắc siêu việt ngũ thập ức Kiếp sinh tử chi tội.

Tức thời siêu hết Nghiệp tội của 50 triệu Kiếp sinh chết.

捨身他世即得值遇十六億佛，於諸佛所得念佛三昧。

Xả thân tha thế tức đắc trực ngộ thập lục ức Phật, ư chư Phật sở đắc Niệm-Phật Tam-muội.

Bỏ thân đời khác tức thời được trực tiếp gặp 60 triệu Phật, tại nơi các Phật ở được Niệm-Phật Tam-muội.

以莊嚴心，念佛三昧莊嚴心故，漸漸於空法中心得開解。

Dĩ trang nghiêm tâm niệm Phật Tam-muội trang nghiêm tâm cố, tiệm tiệm ư không Pháp trung tâm đắc khai giải.

Dùng tâm trang nghiêm, do tâm trang nghiêm Niệm Phật Tam-muội, dần dần ở trong Pháp rộng không tâm được hiểu rõ.

跋陀波羅！時千梵志，豈異人乎？我等賢劫千佛是。

Bạt-đà Ba-la ! Thời thiên Phạm-chí, khởi dị nhân hô ? Ngã đẳng Hiền Kiếp thiên Phật thị.

Bạt-đà Ba-la ! Thời đó 1 nghìn Phạm-chí, là người nào vậy ? Đúng là Chúng ta nghìn Phật Kiếp Hiền.

以得聞空法心無疑故，於娑婆世界次第得成阿耨多羅三藐三菩提。

Dĩ đắc văn không Pháp tâm vô nghi cố, ư Sa-bà thế giới thứ đệ đắc thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Do được nghe Pháp rộng không tâm không có nghi hoặc, ở Sa-bà thế giới lần lượt được thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

是故一切眾生，應於空義心無疑惑。

Thị cố nhất thiết chúng sinh, ứng ư không nghĩa tâm vô nghi hoặc.

Vì thế tất cả chúng sinh cần ở trong nghĩa rộng không tâm không có nghi hoặc.

佛說此語時，時會大眾，聞佛所說，有得初果。

Phật thuyết thử ngữ thời, thời Hội Đại chúng văn Phật sở thuyết, hữu đắc sơ quả.

Khi Phật nói lời này, Đại chúng nhân cơ hội nghe được Phật nói, có được quả Tu-đà-hoàn.

有發無上正真道意，數甚眾多不可具說。

Hữu phát Vô-thượng chính chân đạo ý, số thậm chúng đa bất khả cụ thuyết.

Có phát ý Đạo chân chính Bình đẳng, số lượng Chúng rất nhiều không thể nói đủ.

一切大眾聞佛所說，皆大歡喜，頂禮佛足。

Nhất thiết Đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, đảnh lễ Phật túc.

Tất cả Đại chúng nghe được Phật nói, đều rất vui mừng đảnh lễ Phật đủ hết.

佛告跋陀波羅：我念過去無量無數阿僧祇劫。

Phật cáo Bạt-đà Ba-la : Ngã niệm Quá-khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

Phật bảo Bạt-đà Ba-la : Ta nhớ thời Quá khứ vô lượng vô số A-tăng-kỳ Kiếp.

彼世有佛，名海慧如來，十號具足。

Bi thế hữu Phật, danh Hải Tuệ Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Thời đó có Phật, danh hiệu Hải Tuệ Như Lai, đây đủ 10 Danh hiệu.

國名淨樂，七寶莊嚴地生寶華，如須彌山七寶合成，嚴顯可愛。

Quốc danh Tịnh-lạc, thất bảo trang nghiêm địa sinh Bảo-hoa, như Tu-di sơn thất bảo hợp thành, nghiêm hiển khả ái.

Tên Nước là Tịnh Lạc, đất bằng 7 báu trang nghiêm sinh hoa báu, như núi Tu Di do 7 báu hợp thành, hiện ra trang nghiêm rất yêu thích.

彼佛世尊，常入禪定，默然不言終不說法，

Bì Phật Thế Tôn thường nhập Thiền-định, mặc nhiên bất ngôn chung bất thuyết Pháp.

Phật Thế Tôn đó thường nhập vào Thiền Định, im lặng không nói, cuối cùng không nói Pháp.

但放白毫大人相光，施作佛事。

Đãn phóng bạch hào Đại nhân tướng quang, thi tác Phật sự.

Chỉ phóng ánh hào quang trắng của Tướng Đại nhân, dùng làm việc Phật.

或有眾生見白毫光如十善印，說十善義。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Thập-thiện ấn, thuyết Thập-thiện nghĩa.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm 10 Nghiệp thiện, nói nghĩa 10 Nghiệp thiện.

或有眾生見白毫光如五戒印，說五戒義，及五戒緣。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Ngũ-giới ấn, thuyết Ngũ-giới nghĩa cập Ngũ-giới duyên.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm 5 Giới, nói nghĩa 5 Giới và duyên của 5 Giới.

或有眾生見白毫光如八戒印，說八戒義，及八戒緣。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Bát-giới ấn, thuyết Bát-giới nghĩa cập Bát-giới duyên.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm 8 Giới, nói nghĩa 8 Giới và duyên của 8 Giới.

或有眾生見白毫光如波羅提木叉印，說波羅提木叉義，及波羅提木叉緣。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Ba-la-đề mộc-xoa ấn, thuyết Ba-la-đề mộc-xoa nghĩa, cập Ba-la-đề mộc-xoa duyên.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm Giới nơi nơi Giải thoát, nói Giới nơi nơi Giải thoát và duyên của Giới nơi nơi Giải thoát.

或有眾生見白毫光如六波羅蜜印，說八萬四千諸度義。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Lục Ba-la-mật ấn, thuyết bát vạn tứ thiên chư độ nghĩa.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm 6 Ba-la-mật, nói 8 vạn 4 nghìn các nghĩa độ thoát.

或有眾生見白毫光如四諦印，說四諦義，及三十七助菩提分法。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Tứ-đế ấn, thuyết Tứ-đế nghĩa cập Tam thập thất trợ Bồ-đề phần Pháp.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm 4 Thánh đế, nói nghĩa 4 Thánh đế và 37 phần Pháp trợ Bồ-đề.

或有眾生見白毫光如獨覺印，說十二因緣義。

hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như độc giác ấn, thuyết thập nhị Nhân duyên nghĩa.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm Pháp Nhân duyên, nói nghĩa của Pháp 12 Nhân duyên.

或有眾生見白毫光如智相印，演說菩薩初地境界。

Hoặc hữu chúng sinh kiến bạch hào quang như Trí tướng ấn, diễn thuyết Bồ-tát Sơ-địa cảnh giới.

Hoặc có chúng sinh nhìn thấy hào quang trắng như ấn phẩm hình tướng Trí tuệ, diễn thuyết cảnh giới của Bồ-tát Bạc 1.

乃至十地，說首楞嚴光印三昧，說金剛定不壞境界。

Nãi chí Thập-địa, thuyết Thủ-lăng-nghiêm Quang-ấn Tam-muội, thuyết Kim-cương Định bất hoại cảnh giới.

Thậm chí 10 Bậc Bồ-tát, nói Thủ-lăng-nghiêm Quang-ấn Tam-muội, nói Kim-cương Định không hoại cảnh giới.

跋陀波羅！如是白毫大人相中，現無量無數恒河沙印。

Bạt-đà Ba-la ! Như thị bạch hào Đại nhân tướng trung, hiện vô lượng vô số Hằng-hà sa ấn.

Bạt-đà Ba-la ! Như thế trong quang trắng của Tướng Đại nhân, hiện ra vô lượng vô số Hằng-hà sa ấn phẩm

或有印中演法無畏。或有印中說九十五種外道邪術。

Hoặc hữu ấn trung diễn Pháp vô úy. Hoặc hữu ấn trung thuyết cửu thập ngũ chủng ngoại đạo tà thuật.

Hoặc trong ấn phẩm có diễn Pháp không sợ hãi. Hoặc trong ấn phẩm có nói 95 loại ngoại đạo tà thuật.

或有印中說諸天眾上妙報應。或有印中說於劫成及與劫壞。

Hoặc hữu ấn trung thuyết chư Thiên Chúng thượng diệu báo ứng. Hoặc hữu ấn trung thuyết ư Kiếp thành cập dữ Kiếp hoại.

Hoặc trong ấn phẩm có nói báo ứng cao diệu của Chúng cõi Trời. Hoặc trong ấn phẩm có nói Kiếp được hình thành và Kiếp bị tan hoại.

或有印中說日月五星、二十八宿，災異變怪一切世事。

Hoặc hữu ấn trung thuyết Nhật Nguyệt Ngũ-tinh, nhị thập bát Tú, tai dị biến quái nhất thiết thế sự.

Hoặc trong ấn phẩm có nói về mặt Trăng mặt Trời 5 Tinh tú, 28 sao, tai ương biến hóa quái dị, tất cả việc của thế gian.

或有印中說諸神仙及鬼神道。

Hoặc hữu ấn trung thuyết chư Thần-tiên cập Quý Thần đạo.

Hoặc trong ấn phẩm có nói về các Thần Tiên và Quý Thần Đạo.

此白毫印普照十方化度眾生，隨有緣者顯現佛事。

Thử bạch hào ấn phổ chiếu thập phương hóa độ chúng sinh, tùy hữu duyên giả hiển hiện Phật sự.

Ấn phẩm hào quang trắng này chiếu soi khắp 10 phương giáo hóa độ thoát chúng sinh, thuận theo người có duyên hiển hiện việc Phật.

彼佛壽命十二大劫，正法住世亦十二劫，像法住世二十四劫。

Bỉ Phật thọ mệnh thập nhị Đại-kiếp, Chính-pháp trụ thế diệc thập nhị Kiếp, Tượng-pháp trụ thế nhị thập tứ Kiếp.

Phật đó thọ mệnh 12 Đại Kiếp, Chính-pháp ở đời cũng 12 Kiếp, Tượng-pháp ở đời 24 Kiếp.

於像法中有千婆羅門，第一婆羅門名檀那世寄，其最後名分若世羅。

Ư Tượng-pháp trung hữu thiên Bà-la-môn, đệ nhất Bà-la-môn danh Đà-na Thế-ký, kỳ tối hậu danh Phần-nhược Thế-la.

Ở trong Tượng-pháp có 1 nghìn Bà-la-môn, Bà-la-môn thứ nhất tên là Đà-na Thế-ký, tên người cuối cùng là Phần-nhược Thế-la.

千婆羅門聰明博智，各皆通達四毘陀論。

Thiên Bà-la-môn thông minh bác Trí, các giai thông đạt tứ Tì-đà-luận.

Nghìn Bà-la-môn thông minh Trí tuệ uyên bác, họ đều thông suốt 4 Luận Tì-đà.

海慧如來像法之中，有一比丘名曰淨龍豐莊嚴。

Hải Tuệ Như Lai Tượng-pháp chi trung, hữu nhất Tỳ-kheo danh viết Tịnh-long Phong-trang nghiêm.

Trong Tượng-pháp của Hải Tuệ Như Lai, có một Tỳ kheo tên là Tịnh-long Phong-trang nghiêm.

與諸婆羅門共相難詰。婆羅門說毘陀論經神我之法。

Dữ chư Bà-la-môn cộng tương nan cật. Bà-la-môn thuyết Tì-đà-luận Kinh Thần ngã chi Pháp.

Cùng các Bà-la-môn cùng nhau hỏi khó. Bà-la-môn nói Kinh Luận Tì Đà là Pháp của bản thân Thần.

沙門復以十二部經甚深空義，演說無相破其貪著。

Sa-môn phục dĩ thập nhị bộ Kinh thậm thâm không nghĩa, diễn thuyết Vô-tướng phá kỳ tham trước.

Sa-môn lại dùng 12 Bộ Kinh nghĩa rộng không thâm sâu, diễn thuyết Không có hình tướng
rỗng không phá tham nương nhờ của họ.

千婆羅門聞無相義，白比丘言：

Thiên Bà-la-môn văn Vô-tướng nghĩa bạch Tỳ-kheo ngôn :

Nghìn Bà-la-môn nghe nghĩa Không có hình tướng rỗng không, bạch Tỳ-kheo rằng :

汝於何處得此無我空寂之法？比丘答言：三世諸佛，十號具足，所共宣說。

Nhữ ư hà xứ đắc thử vô ngã không tịch chi Pháp ? Tỳ-kheo đáp ngôn : Tam-thế chư Phật,
Thập-hiệu cụ túc, sở cộng tuyên thuyết.

Ngài ở nơi nào được Pháp rỗng lặng không có bản thân này ? Tỳ-kheo trả lời nói rằng : Ba

Đời các Phật, đầy đủ 10 Danh hiệu cùng nhau nói ra.

海慧如來白毫印中，常說此偈：

Hải Tuệ Như Lai bạch hào ấn trung thường thuyết thử kệ :

Trong ấn phẩm hào quang trắng của Hải Tuệ Như Lai thường nói bài kệ này :

本性義不生 無受無取者

Bản tính nghĩa bất sinh. Vô thụ vô thủ giả.

Bản Tính nghĩa không sinh. Người không nhận không giữ.

四大性如幻 五陰如炎電

Tứ-đại tính như huyền Ngũ-âm như viêm điện.

Tính 4 Đại như ảo. Năm Uẩn như điện cháy.

一切諸世間 猶如旋火輪

Nhất thiết chư thế gian. Do như toàn hỏa luân.

Tất cả các Thế gian. Như vòng lửa lăn tròn.

皆隨無明轉 業力莊嚴生

Giai tùy Vô-minh chuyển. Nghiệp lực trang nghiêm sinh.

Đều chuyển từ Ngu tối. Lực nghiệp sinh trang nghiêm.

觀性相無常 無我無有生

Quan Tính Tướng Vô-thường. Vô ngã vô hữu sinh.

Xem Tính Tướng đổi thay. Không bản thân không sinh.

智者應諦觀 本末因緣義

Trí giả ứng Đê-quan. Bản末 nhân duyên nghĩa.

Người Trí cần xem đúng. Nghĩa nhân duyên gốc ngọn.

本性實際空 縛著橫見有

Bản tính thực tế không. Phược trước hoành kiến hữu.

Bản tính thực tế rỗng. Buộc nhờ bỗng thấy Có

若能達解空 無願無作處

Nhược năng đạt giải không. Vô nguyện vô tác xứ.

Nếu năng hiểu rõ rỗng. Không nguyện không nơi làm.

無相無所依 必得道如佛

Vô-tướng vô sở y. Tất đắc đạo như Phật.

Rỗng không không có dựa. Chắc được Đạo như Phật.

降伏眾魔怨 度脫諸天人

Hàng phục chúng Ma oán. Độ thoát chư Thiên-nhân.

Hàng phục các Ma oán. Độ thoát các người Trời.

亦入大解脫 知空是本報

Diệc nhập Đại Giải-thoát. Tri không thị bản báo.

Cũng vào Đại Giải thoát. Biết rỗng gốc báo ứng.

是名佛所說 無我及空義

Thị danh Phật sở thuyết. Vô ngã cập không nghĩa.

Tên này Phật có nói. Không bản thân, nghĩa rỗng.

說此偈已，千婆羅門心大歡喜，禮比丘足。

Thuyết thử kệ dĩ, thiên Bà-la-môn tâm đại hoan hỉ, lễ Tỳ-kheo túc.

Nói xong bài kệ này, 1 nghìn Bà-la-môn tâm rất vui mừng, lễ Tỳ-kheo đầy đủ.

各自還歸，端坐林野，思無我空，經八千萬歲。

Các tự hoàn quy đoan tọa lâm dã, tư vô ngã không, kinh bát thiên vạn tuế.

Họ tự quay trở về ngồi đoan nghiêm trong rừng hoang, tư duy rỗng không không có bản thân, trải qua 8 nghìn vạn năm.

於大空義心不決了，以思空義功德力故。

Ư đại không nghĩa tâm bất quyết liễu, dĩ tư không nghĩa công đức lực cố.

Với nghĩa rỗng không lớn tâm không quyết định rõ, do lực công Đức dùng nghĩa tư duy rỗng không.

即於空中得見百千佛，於諸佛所得念佛三昧。

Tức ư không trung đắc kiến bách thiên Phật, ư chư Phật sở đắc Niệm-Phật Tam-muội.

Tức thì ở trong không trung được nhìn thấy trăm nghìn Phật, tại nơi các Phật ở được môn Niệm Phật Tam-muội.

即於三昧中見海慧佛白毫印中說甘露偈：

Tức ư Tam-muội trung kiến Hải Tuệ Phật bạch hào ấn trung thuyết Cam-lộ kệ：

Liên ở trong Tam-muội đó gặp được Hải Tuệ Phật, ở trong ấn phẩm hào quang trắng nói bài kệ Pháp Giới thanh tịnh.

若欲發道心 修持菩薩戒

Nhược dục phát đạo tâm. Tu trì Bồ-tát giới.

Nếu muốn phát tâm Đạo. Tu giữ Giới Bồ-tát.

欲求真實空 隨學菩薩道

Dục cầu chân thực không. Tùy học Bồ-tát đạo.

Muốn cầu rỗng chân thực. Thuận học Đạo Bồ-tát.

常當行慈心 除去恚害想

Thường đương hành Từ tâm. Trừ khứ khuể hại tưởng.

Thường cần hành tâm Từ. Bỏ tưởng nhớ hại hận.

悲愍於一切 觀彼身空寂

Bi mẫn ư nhất thiết. Quan bi thân không tịch.

Thương cứu vớt tất cả. Xem thân họ rỗng lặng.

我身無性相 假於四大生

Ngã thân vô Tính Tướng. Giả ư Tứ-đại sinh.

Bản thân, Tính Tướng không. Nếu như sinh 4 Đại.

隨順諸佛法 不殺不起瞋

Tùy thuận chư Phật Pháp. Bất sát bất khởi sân.

Thuận theo các Pháp Phật. Không giết không khởi hận.

悉堪受諸法 其心猶如地

Tất kham thụ chư Pháp. Kỳ tâm do như địa.

Kham nhận hết các Pháp. Tâm họ như Đất mẹ.

常行無所著 一心住一意

Thường hành vô sở trước. Nhất tâm trụ nhất ý.

Thường hành không nương nhờ. Nhất tâm trong một ý.

悉觀法平等 無彼亦無此

Tất quan Pháp bình đẳng. Vô bỉ diệc vô thử.

Xem các Pháp ngang nhau. Không đó cũng không đây.

正心思此義 乃應菩薩行

Chính tâm tư thử nghĩa. Nãi ưng Bồ-tát hành.

Thẳng tâm nghĩ nghĩa này. Mới cần hành Bồ-tát.

時千婆羅門聞此偈已，身心歡喜，倍加精進。

Thời thiên Bà-la-môn văn thử kệ dĩ, thân tâm hoan hỷ, bội gia Tinh-tiến.

Thời đó 1 nghìn Bà-la-môn nghe xong bài kệ này, thân tâm vui mừng, tinh tiến tăng gấp bội.

即得諸佛現前三昧，於三昧中堅固正受。

Tức đắc chư Phật hiện tiền Tam-muội, ư Tam-muội trung kiên cố Chính-thụ.

Tức thì được Tam-muội hiện ra trước các Phật, ở trong Tam-muội kiên cố Thụ nhận đúng.

不退轉於阿耨多羅三藐三菩提心。

Bất-thoái-chuyên ư A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề tâm.

Tâm không thoái lui A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

跋陀波羅！爾時龍豐莊嚴比丘者，久已成佛，華光國土龍自在王佛是：

Bạt-đà Ba-la ! Nhĩ thời Long-phong trang-nghiêm Tỳ-kheo giả, cữ dĩ thành Phật, Hoa Quang Quốc thổ Long Tự Tại Vương Phật thị.

Bạt-đà Ba-la ! Thời đó Long-phong trang-nghiêm Tỳ kheo đã thành Phật từ lâu, chính là Long Tự Tại Vương Phật ở Nước Hoa Quang.

千婆羅門，豈異人乎？我等賢劫千佛是。

Thiên Bà-la-môn, khởi dị nhân hô ? Ngã đẳng Hiền Kiếp thiên Phật thị.

Nghìn Bà-la-môn, họ là ai vậy ? Đứng là Chúng ta nghìn Phật Kiếp Hiền.

跋陀波羅！我與賢劫千佛，於海慧如來遺法之中，聞大空偈。

Bạt-đà Ba-la ! Ngã dữ Hiền Kiếp thiên Phật, ư Hải Tuệ Như Lai di Pháp chi trung văn đại không kệ.

Bạt-đà Ba-la ! Ta và nghìn Phật Kiếp Hiền, ở trong Pháp để lại của Hải Tuệ Như Lai, nghe bài kệ rộng không to lớn.

端坐思惟心不決了，猶得超越無量億劫生死之罪。

Đoan tọa tư duy tâm bất quyết liễu, do đắc siêu việt vô lượng ức Kiếp sinh tử chi tội.

Ngồi đoan nghiêm tư duy tâm không quyết định rõ, do được siêu thoát nghiệp tội sinh chết của vô lượng triệu Kiếp.

是故汝等應於空義思惟取證。是時眾會聞佛所說，

Thị cố nhữ đẳng ưng ư không nghĩa tư duy thủ chứng. Thị thời Chúng hội văn Phật sở thuyết.

Vì thế các Ngài cần với nghĩa rộng không tư duy cảm được chứng nghiệm. Khi đó Chúng trong Hội nghe được Phật nói.

有得初果，有發無上正真之道，有種辟支佛道因緣者。

Hữu đắc sơ quả, hữu phát Vô-thượng chính chân chi đạo, hữu chủng Bích Chi Phật đạo nhân duyên giả.

Có được quả vị Tu-đà-hoàn, có phát tâm Đạo chân chính Bình đẳng, có trồng Đạo Nhân duyên Bích Chi Phật.

時會大眾聞佛所說，皆大歡喜。跋陀波羅！

Thời hội Đại chúng văn Phật sở thuyết giai đại hoan hỷ. Bạt-đà Ba-la !

Khi đó Đại chúng trong Hội nghe được Phật nói, đều rất vui mừng. Bạt-đà Ba-la !

我念過去無量億世，彼時有佛號自在勝如來，十號具足。

Ngã niệm Quá-khứ vô lượng ức thế, bỉ thời hữu Phật hiệu Tự Tại Thắng Như Lai, Thập-hiệu cụ túc.

Ta nhớ lại thời Quá khứ vô lượng triệu đời, thời đó có Phật danh hiệu Tự Tại Thắng Như Lai, đầy đủ 10 Danh hiệu.

彼佛世尊出現世時，此娑婆世界其地金色，金華金光充遍世界。

Bỉ Phật Thế Tôn xuất hiện thế thời, thử Sa-bà thế giới kỳ địa kim sắc, kim hoa kim quang sung biến thế giới.

Phật Thế Tôn đó xuất hiện ở đời, Sa-bà thế giới này đất của nó bằng sắc vàng, hoa bằng vàng ánh quang màu vàng lan biến đầy khắp thế giới.

自在勝如來壽五十大劫，正法住世三十大劫，像法住世百二十大劫。

Tự Tại Thắng Như Lai thọ ngũ thập Đại-kiếp, Chính-pháp trụ thế tam thập Đại-kiếp, Tượng-pháp trụ thế bách nhị thập Đại-kiếp.

Tự Tại Thắng Như Lai thọ 50 Đại-kiếp, Chính-pháp ở đời 30 Đại-kiếp, Tượng-pháp ở đời 120 Đại-kiếp.

於像法中有千居士，多饒財寶各儲一億。

Ư Tượng-pháp trung hữu thiên Cư-sĩ, đa nhiêu tài bảo các 儲 nhất ức.

Ở trong Tượng-pháp có 1 nghìn người tu tại gia, đa số nhiều tài vật quý giá trị muôn triệu.

雖獲俗利不以喜悅，常修苦空無常之相。

Tuy hoạch tục lợi bất dĩ hỷ duyệt, thường tu khổ không Vô-thường chi tướng.

Tuy nhận được nhiều lợi lộc ở đời không lấy làm vui mừng, thường tu hành cảnh khổ rộng

không thay đổi.

彼時世中有一優婆塞，聰明多智，名摩訶那伽，至居士所，高聲說偈：

Bỉ thời thế trung hữu nhất Ưu-bà-tắc, thông minh đa trí, danh Ma-ha-na-già, chí Cư-sĩ sở cao thanh thuyết kệ :

Thời đó trong đời có Nam Phật Tử, thông minh nhiều Trí tuệ, tên là Ma-ha-na-già tới nơi Cư-sĩ nói to bài kệ rằng :

財為無主物 王賊所侵劫

Tài vi vô chủ vật. Vương tặc sở xâm Kiếp.

Tiền là vật không chủ. Bị Vua, cướp chiếm đoạt.

水火風吹盡 不安不久居

Thủy hỏa phong xuy tận. Bất an bất cửu cư.

Nước lửa gió bay hết. Không yên, ở không lâu.

此身屬無常 恒為老病使

Thử thân thuộc Vô-thường. Hằng vi lão bệnh sử.

Thân này thuộc đổi thay. Thường bị Già Bệnh khiến.

忽忽營眾務 不覺死賊苦

Thông thông doanh chúng vụ. Bất giác tử tặc khổ.

Vội vàng việc kiếm lợi. Không biết giặc chết khổ.

無常風力解 財如大毒蛇

Vô-thường phong lực giải. Tài như đại độc xà.

Hiểu sức gió đổi thay. Tiền như như rắn độc lớn

毒害猛於龍 亦為世怨俱

Độc hại mãnh ư Long. Diệc vi thế oán câu.

Độc hại mạnh như Rồng. Cũng bị đời cùng oán.

諸佛及賢聖 視財如瘡疥

Chư Phật cập Hiền Thánh. Thị tài như sang vưu.

Các Phật và Hiền Thánh. Nói tiền như ung nhọt.

捐之於大地 如人棄涕唾

Quyên chi ư Đại-địa. Như nhân khí thể thóa.

Quyên góp vào Đất lớn. Như người nhổ nước bọt.

善士修布施 恒觀於無我

Thiện-sĩ tu Bố-thí. Hằng quan ư vô ngã.

Người thiện tu Bố Thí. Thường xem không có mình.

財物及受者 三法俱空寂

Tài vật cập thụ giả. Tam-Pháp câu không tịch.

Tài vật cùng người nhận. Ba-Pháp cùng rỗng lặng (bản thân, tài vật, người nhận).

以此莊嚴心 乃應菩薩行

Dĩ thử trang nghiêm tâm. Nãi ưng Bồ-tát hành.

Dùng nó trang nghiêm tâm. Mới cần hành Bồ-tát.

時千居士聞優婆塞所說偈義，深心歡喜得未曾有。

Thời thiên Cư-sĩ văn Ưu-bà-tắc sở thuyết kệ nghĩa, thâm tâm hoan hỷ đắc vị tăng hữu.

Khi đó 1 nghìn Cư-sĩ nghe được Nam Phật Tử nói nghĩa bài kệ, tâm thâm sâu vui mừng, được chưa từng có.

即共相隨到於僧房。到僧房已，白諸比丘：

Tức cộng tướng tùy đáo ư Tăng phòng. Đáo Tăng phòng dĩ, bạch chư Tỳ-kheo：

Tức thời cùng nhau theo tới phòng của Tăng. Đã tới được phòng của Tăng, bạch các Tỳ kheo：

此大眾中，誰有智者？唯願為我說甘露法。

Thử Đại chúng trung, thù hữu Trí giả？Duy nguyện vị ngã thuyết Cam-lộ Pháp.

Ở trong Đại chúng này ai là người có Trí tuệ？Mong muốn vì con nói Pháp thanh tịnh.

爾時眾中有一比丘，名曰淨音。

Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Tỳ-kheo, danh viết Tịnh-âm.

Khi đó trong Chúng có một Tỳ kheo, tên là Tịnh-âm.

為諸居士廣讚菩薩檀波羅蜜，即說此偈：

Vị chư Cư-sĩ quảng tán Bồ-tát Đản Ba-la-mật, tức thuyết thử kệ :

Vì các Cư-sĩ khen ngợi rộng khắp Bồ-tát Bồ Thí tới Niết-bàn, tức thời nói bài kệ này :

過去有佛 號自在勝 彼佛世尊

Quá-khứ hữu Phật. Hiệu Tự Tại Thắng. Bì Phật Thế Tôn.

Quá khứ có Phật. Hiệu Tự Tại Thắng. Phật Thế Tôn đó.

常說此法 施為妙聚 受報無窮

Thường thuyết thử Pháp. Thí vi diệu tụ. Thọ báo vô cùng.

Thường nói Pháp này. Thí được diệu tụ. Báo nhận vô cùng.

諸天世人 因施得立 是故智者

Chư Thiên thế nhân. Nhân thí đắc lập. Thị cố Trí giả.

Các Trời người đời. Nhân Thí được sống. Vì thế người Trí.

應行修施 施為寶蓋 覆護窮者

Ứng hành tu Thí. Thí vi bảo cái. Phúc hộ cùng giả.

Cần tu hành Thí. Thí là vung báu. Che giúp người nghèo.

今世後世 生處安樂 若能廣意

Kim thế hậu thế. Sinh xứ an lạc. Nhược năng quảng ý.

Đời này đời sau. Sinh nơi vui vẻ. Nếu có ý lớn.

修空慧心 不住諸有 而行布施

Tu không Tuệ tâm. Bất trụ chư hữu. Nhi hành Bồ-thí.

Tu Tâm Tuệ rộng. Các Có không còn. Mà hành Bồ-thí.

如此施者 必成佛道 古昔諸佛

Như thử thí giả. Tất thành Phật đạo. Cổ tích chư Phật.

Bồ Thí như đây. Chắc thành Đạo Phật. Các Phật cổ xưa.

所說檀法 長者應念 宜時修行

Sở thuyết Đản-pháp. Trưởng-già ứng niệm. Nghi thời tu hành.

Nói được Pháp Thí. Trưởng giả nên nhớ. Hợp thời tu hành.

時千居士復聞比丘讚於布施，身心歡喜。

Thời thiên Cư-sĩ phục văn Tỳ-kheo tán ư bố thí, thân tâm hoan hỷ.

Khi đó 1 nghìn Cư-sĩ lại nghe Tỳ kheo ca ngợi Bồ Thí, thân tâm vui mừng.

即詣王所啟大王言：我等今日聞諸比丘讚說檀波羅蜜。

Tức nghê Vương sở khải Đại Vương ngôn : Ngã đẳng kim nhật văn chư Tỳ-kheo tán thuyết Đản Ba-la-mật.

Tức thời tới nơi Vương ở bả báo Đại Vương nói rằng : Chúng con ngày nay nghe các Tỳ kheo ca ngợi nói về Bồ Thí tới Niết-bàn.

唯願大王，為我宣令一切國內貧苦眾生，普使聞知。

Duy nguyện Đại Vương vị Ngã tuyên linh nhất thiết quốc nội bần khổ chúng sinh, phổ sử văn tri.

Mong muốn Đại Vương vì con tuyên cáo giúp tất cả chúng sinh bần khổ trong nước nghe biết sử dụng rộng khắp.

佛說千佛因緣經

Phật thuyết thiên Phật nhân duyên Kinh.

Phật thuyết Kinh Nhân duyên nghìn Phật.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 1/2010.

=====